

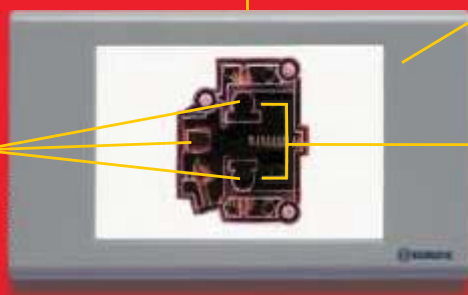
Đế ổ cắm làm bằng nhựa Polyamide chống cháy - nguyên chất (không có mùi khét như nhựa phế liệu, tái sinh)

Thiết kế hoàn hảo - đồng hợp kim có độ đàn hồi cao, tiếp xúc chắc chắn, chống mô-ve, đảm bảo số lần cắm phích/ rút phích ở chế độ 16A-220V trên 20.000 lần

Nắp công tắc làm bằng nhựa Polycarbonate chịu nhiệt, chịu va đập- không lão hoá dưới tác dụng của từ trường dòng điện

Trục trượt mạ bạc - tiếp xúc tốt

Đế công tắc làm bằng nhựa Polyamide chống cháy - nguyên chất (không có mùi khét như nhựa phế liệu, tái sinh)



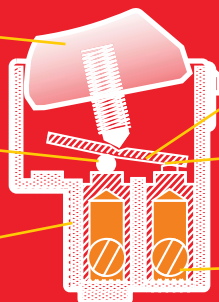
Nhựa Polycarbonate chịu lửa, chịu va đập, là vật liệu cách điện tiên tiến nhất, không lão hoá dưới tác dụng của từ trường dòng điện

Nắp che an toàn bằng nhựa Polyamide có tăng cường độ gia cường chịu lực

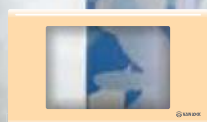
Bản trượt phủ lớp hợp chất Ôxit Cadimi-Bạc ($AgCdO_{12}$) bằng công nghệ ép nóng tiên tiến nhất hiện nay

Tiếp điểm hợp kim Ôxit Cadimi-Bạc ($AgCdO_{12}$) đảm bảo theo tiêu chuẩn 40.000 lần tắt/ bật

Vít đồng đầu tròn tránh hiện tượng đứt dây khi xiết



An toàn cho trẻ . Vẻ đẹp cho bạn



S18CS/DS
CÁT SA MẠC
Desert Sand



S18CS/RD
ĐỎ RỰC
Hot Red



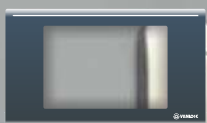
S18CS/NU
NÂU
Nutmeg Brown



S18CS/YL
VÀNG NHẬT
Bright Yellow



S18CS/DB
XANH DƯƠNG
Dark Blue



S18CS/DG
XÁM ĐẬM
Dark Grey



S18CS/BK
ĐEN NHÁNH
Glossy Black



S18CS/BU
XANH DA TRỜI
Sky Blue



S18CS/GR
XANH LÁ CÂY
Fresh Green

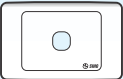
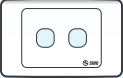
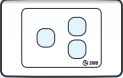
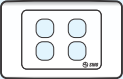
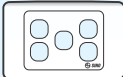
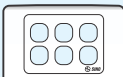


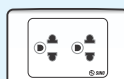
S18CS/GY
XÁM BĂNG
Cold Grey



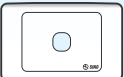
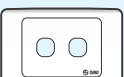
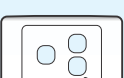
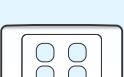
SINO[®] ELECTRIC
VANLOCK

Ổ CẮM CÔNG TẮC SÊ-RI S9
S9 SERIES SWITCHES & SOCKETS

Hình ảnh Picture	Mã số/Diễn giải Cat.No/Description	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	S91/X Mặt 1 lỗ 1 gang plate	200	12.500
	S92/X Mặt 2 lỗ 2 gang plate	200	12.500
	S93/X Mặt 3 lỗ 3 gang plate	200	12.500
	S94/X Mặt 4 lỗ 4 gang plate	200	15.800
	S95/X Mặt 5 lỗ 5 gang plate	200	16.000
	S96/X Mặt 6 lỗ 6 gang plate	200	16.000
	S9U Ổ cắm đơn 2 chấu 16A 16A 2 pin single socket	100	29.500
	S9U2 2 ổ cắm 2 chấu 16A 16A 2 pin double socket	100	44.600
	S9U3 3 ổ cắm 2 chấu 16A 16A 2 pin triple socket	100	54.800
	S9UX Ổ cắm đơn 2 chấu 16A với 1 lỗ 16A 2 pin single socket W/1 gang	100	36.200
	S9UXX Ổ cắm đơn 2 chấu 16A với 2 lỗ 16A 2 pin single socket W/2 gang	100	36.200
	S9U2X 2 ổ cắm 2 chấu 16A với 1 lỗ 16A 2 pin double socket W/1 gang	100	43.500
	S9U2XX 2 ổ cắm 2 chấu 16A với 2 lỗ 16A 2 pin double socket W/2 gang	100	43.500
	S9UE Ổ cắm đơn 3 chấu 16A 16A 3 pin single socket	100	41.800

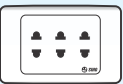
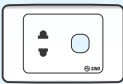
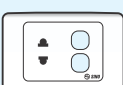
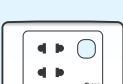
Hình ảnh Picture	Mã số/Diễn giải Cat.No/Description	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	S9UE2 2 ổ cắm 3 chấu 16A 16A 3 pin double socket	100	57.000
	S9UEX Ổ cắm đơn 3 chấu 16A với 1 lỗ 16A 3 pin single socket W/1 gang	100	44.500
	S9UEXX Ổ cắm đơn 3 chấu 16A với 2 lỗ 16A 3 pin single socket W/2 gang	100	44.500
	S9121/M Mặt nhựa chứa 1 MCB kiểu M 1 gang plate for MCB - Single type M	200	12.500
	S9122/M Mặt nhựa chứa 2 MCB kiểu M 2 gang plate for MCB - Double type M	200	12.500

Ổ CẮM CÔNG TẮC SÊ-RI S9 MỎNG
S9 SERIES SWITCHES & SOCKETS

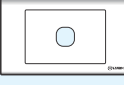
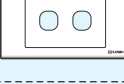
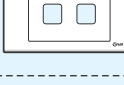
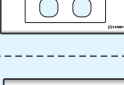
	S9M1/X Mặt 1 lỗ 1 gang plate	200	10.600
	S9M2/X Mặt 2 lỗ 2 gang plate	200	10.600
	S9M3/X Mặt 3 lỗ 3 gang plate	200	10.600
	S9M4/X Mặt 4 lỗ 4 gang plate	200	15.000
	S9M5/X Mặt 5 lỗ 5 gang plate	200	15.200
	S9M6/X Mặt 6 lỗ 6 gang plate	200	15.200
	S9MU Ổ cắm đơn 2 chấu 16A 16A 2 pin single socket	100	28.000

Sê-ri S9

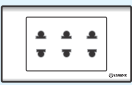
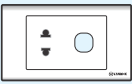
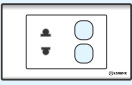
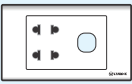
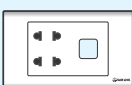
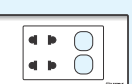
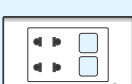
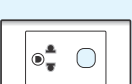
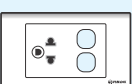
Ổ CẮM CÔNG TẮC SÊ-RI S9 MỎNG
S9 SERIES SWITCHES & SOCKETS
Sê-ri S9 - S18 - S186

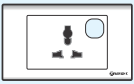
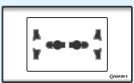
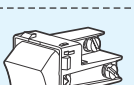
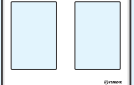
Hình ảnh Picture	Mã số/Diễn giải Cat.No/Description	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	S9MU2 2 Ổ cắm 2 chấu 16A 16A 2 pin double socket	100	42.500
	S9MU3 3 ổ cắm 2 chấu 16A 16A 2 pin triple socket	100	52.200
	S9MUX Ổ cắm đơn 2 chấu 16A với 1 lỗ 16A 2 pin single socket W/1 gang	100	34.500
	S9MUXX Ổ cắm đơn 2 chấu 16A với 2 lỗ 16A 2 pin single socket W/2 gang	100	34.500
	S9MU2X 2 ổ cắm 2 chấu 16A với 1 lỗ 16A 2 pin double socket W/1 gang	100	41.500
	S9MU2XX 2 ổ cắm 2 chấu 16A với 2 lỗ 16A 2 pin double socket W/2 gang	100	41.500
	S9MUE Ổ cắm đơn 3 chấu 16A 16A 3 pin single socket	100	39.800
	S9MUE2 2 ổ cắm 3 chấu 16A 16A 3 pin double socket	100	54.200
	S9MUEX Ổ cắm đơn 3 chấu 16A với 1 lỗ 16A 3 pin single socket W/1 gang	100	42.500
	S9MUEXX Ổ cắm đơn 3 chấu 16A với 2 lỗ 16A 3 pin single socket W/2 gang	100	42.500

Ổ CẮM CÔNG TẮC SÊ-RI S18 - S186
S18 - S186 SERIES SWITCHES & SOCKETS

Hình ảnh Picture	Mã số/Diễn giải Cat.No/Description	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	S181/X Mặt 1 lỗ 1 gang plate	300	12.500
	S1861X Mặt 1 lỗ 1 gang plate	300	12.500
	S182/X Mặt 2 lỗ 2 gang plate	300	12.500
	S1862X Mặt 2 lỗ 2 gang plate	300	12.500
	S183/X Mặt 3 lỗ 3 gang plate	300	12.500
	S1863X Mặt 3 lỗ 3 gang plate	300	12.500
	S184/X Mặt 4 lỗ 4 gang plate	300	15.800
	S1864X Mặt 4 lỗ 4 gang plate	300	15.800
	S185/X Mặt 5 lỗ 5 gang plate	300	16.000
	S1865X Mặt 5 lỗ 5 gang plate	300	16.000
	S186/X Mặt 6 lỗ 6 gang plate	300	16.000
	S1866X Mặt 6 lỗ 6 gang plate	300	16.000
	S18U Ổ cắm đơn 2 chấu 16A 16A 2 pin single socket	100	29.500
	S18U2 2 ổ cắm 2 chấu 16A 16A 2 pin double socket	100	44.600

Ổ CẮM CÔNG TẮC SÊ-RI S18 - S186
S18 - S186 SERIES SWITCHES & SOCKETS

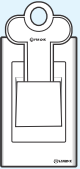
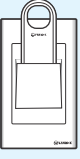
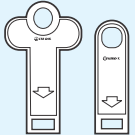
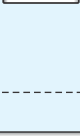
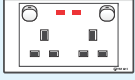
Hình ảnh Picture	Mã số/Diễn giải Cat.No/Description	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	S18U3 3 ổ cắm 2 chấu 16A 16A 2 pin triple socket	100	54.800
	S18UX Ổ cắm đơn 2 chấu 16A với 1 lỗ 16A 2 pin single socket W/1 gang	100	36.200
	S186UX Ổ cắm đơn 2 chấu 16A với 1 lỗ 16A 2 pin single socket W/1 gang	100	36.200
	S18UXX Ổ cắm đơn 2 chấu 16A với 2 lỗ 16A 2 pin single socket W/2 gangs	100	36.200
	S186UXX Ổ cắm đơn 2 chấu 16A với 2 lỗ 16A 2 pin single socket W/2 gangs	100	36.200
	S18U2X 2 ổ cắm 2 chấu 16A với 1 lỗ 16A 2 pin 2 socket W/1 gang	100	43.500
	S186U2X 2 ổ cắm 2 chấu 16A với 1 lỗ 16A 2 pin 2 socket W/1 gang	100	43.500
	S18U2XX 2 ổ cắm 2 chấu 16A với 2 lỗ 16A 2 pin 2 socket W/2 gangs	100	43.500
	S186U2XX 2 ổ cắm 2 chấu 16A với 2 lỗ 16A 2 pin 2 socket W/2 gangs	100	43.500
	S18UE Ổ cắm đơn 3 chấu 16A 16A 3 pin single socket	100	41.800
	S18UE2 2 ổ cắm 3 chấu 16A 16A 3 pin double socket	100	57.000
	S18UEX Ổ cắm đơn 3 chấu 16A với 1 lỗ 16A 3 pin single socket W/1 gang	100	44.500
	S186UEX Ổ cắm đơn 3 chấu 16A với 1 lỗ 16A 3 pin single socket W/1 gang	100	44.500
	S18UEXX Ổ cắm 3 chấu 16A với 2 lỗ 16A 3 pin single socket W/2 gangs	100	44.500

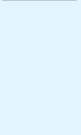
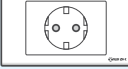
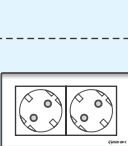
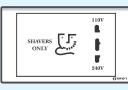
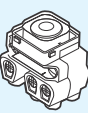
Hình ảnh Picture	Mã số/Diễn giải Cat.No/Description	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	S186UEXX Ổ cắm đơn 3 chấu 16A với 2 lỗ 16A 3 pin single socket W/2 gangs	100	44.500
	S18UAM (S18UAM/V) Ổ cắm đa năng có màn che 16A 16A 3 pin universal socket with shutter	100	41.800
	S18UAMX Ổ cắm đa năng có màn che 16A với 1 lỗ 16A 3 pin universal socket with shutter W/1 gang	100	44.500
	S18UAMD2 2 Ổ cắm đa năng dọc có màn che 16A 16A 3 pin double universal socket vertical with shutter	100	62.700
	S18UAM2 2 Ổ cắm đa năng có màn che 16A 16A 3 pin double universal socket with shutter	100	62.700
	S18U/UAM Ổ cắm 2 chấu và ổ cắm đa năng có màn che 16A 16A 2 pin socket & 3 pin universal socket with shutter	100	57.000
	S186/1/2M Công tắc 1 chiều 10A 10A 1 way switch	1.200	9.500
	S186M Công tắc 2 chiều 10A 10A 2 way switch	1.000	16.800
	S180 Mặt che trơn Blank plate	200	12.500
	S18WS (S18WS/V) Viền đơn trắng White electric single standard surround	300	6.800
	S18WD Viền đôi trắng White electric double standard surround	150	12.500
	S18WD/V Viền đôi trắng dọc White electric double standard surround - vertical	150	12.500
	S18CS/...* Viền đơn màu Full color electric single standard surround	300	9.800

(*) Mã cụ thể của viền màu xin tham khảo bìa 22

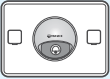
Ổ CẮM CÔNG TẮC SÊ-RI S18 - S186
S18 - S186 SERIES SWITCHES & SOCKETS

Sê-ri S18 - S186

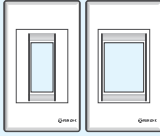
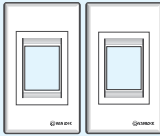
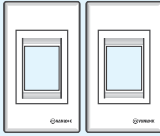
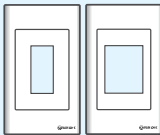
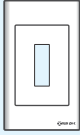
Hình ảnh Picture	Mã số/Diễn giải Cat.No/Description	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	S18BPDM Nút chuông báo xin vệ sinh phòng và báo không quấy rầy Bell push with indicator "Please Clean Up & Do Not Disturb"	100	214.000
	S18/501 Công tắc dùng thẻ từ 16A có thời gian chậm 16A saving switch with time delay	60	317.000
	SKT501 Thẻ từ 16A 16A key card	3000	30.200
	S18KT+SKTA Bộ chìa khóa ngắt điện 20A có đèn báo - Chìa khóa kiểu A 20A key tag switch with neon - Type A	80	263.000
	S18KT+SKTB Bộ chìa khóa ngắt điện 20A có đèn báo - Chìa khóa kiểu B 20A key tag switch with neon - Type B	80	263.000
	SKTA Chìa khóa bộ ngắt điện 20A kiểu A Key for S18KT - Type A	100	52.200
	SKTB Chìa khóa bộ ngắt điện 20A kiểu B Key for S18KT - Type B	100	41.200
	S18/10US Ổ cắm 2 chấu và 1 ổ 3 chấu kiểu Úc 16A 16A 2 pin & 3 pin Australia type socket	100	66.500
	S1815N Ổ cắm 3 chấu tròn kiểu Anh 15A có đèn báo 15A 3 round pin British socket with neon	100	74.200
	S1815SN Ổ cắm 3 chấu tròn kiểu Anh 15A có công tắc và đèn báo 15A 3 round pin British socket with switch and neon	100	74.200
	S1825SN Ổ cắm đôi 3 chấu vuông kiểu Anh 13A có công tắc và đèn báo 13A twin 3 flat pin British flush socket with switch and neon	50	191.000

Hình ảnh Picture	Mã số/Diễn giải Cat.No/Description	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	S1813N Ổ cắm 3 chấu vuông kiểu Anh 13A có đèn báo 13A 3 flat pin British flush socket with neon	100	77.500
	S1813S Ổ cắm 3 chấu vuông kiểu Anh 13A có công tắc 13A 3 flat pin British flush socket with switch	100	77.500
	S1813SN Ổ cắm 3 chấu vuông kiểu Anh 13A có công tắc và đèn báo 13A 3 flat pin British flush socket with switch and neon	100	77.500
	S18HD416 Ổ cắm 4 dây 3 pha kiểu Mỹ 16A-400VAC 16A-400VAC 4 pin American socket	100	91.200
	S18HD425 Ổ cắm 4 dây 3 pha kiểu Mỹ 25A-400VAC 25A-400VAC 4 pin American socket	60	112.000
	S18/16 Ổ cắm "schuko" 16A tiếp đất 16A pin & earth "Schuko" socket	80	50.200
	S18/162 + FC2-63 Ổ cắm đôi "schuko" liền đế 16A 16A pin & earth "Schuko" socket with box	-	179.000
	S18/2727V Ổ cắm dao cạo râu 110/240V-20VA loại dọc 110/240V-20VA shaver sockets - Vertical	30	632.000
	S18/2727 Ổ cắm dao cạo râu 110/240V-20VA 110/240V-20VA shaver sockets	30	632.000
	S18/38TB Đầu ra dây cáp với đầu nối 25A Cable outlet with 25A connector	400	33.000

Ổ CẮM CÔNG TẮC SÊ-RI S18 - S186
S18 - S186 SERIES SWITCHES & SOCKETS

Hình ảnh Picture	Mã số/Diễn giải Cat.No/Description	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	S18/31TO Đầu ra dây cáp liền mặt Wire outlet with plate	100	34.500
	S18/31TB Đầu ra dây cáp với đầu nối 25A + mặt Care outlet with 25A connector + plate	80	43.500
	WBL/V Nút chuông chống thấm có đèn báo loại dọc 3A 3A weatherproof bell push with neon Vertical	40	42.500
	WBL Nút chuông chống thấm có đèn báo 3A 3A weatherproof bell push with neon	40	42.500
	S18B/V Nút chuông bản rộng loại dọc 3A 3A big panel bell push - Vertical	80	34.500
	S18B Nút chuông bản rộng 3A 3A big panel bell push	80	34.500
	S18BNR/V Nút chuông bản rộng có đèn báo đỏ loại dọc 3A 3A big panel bell push with neon red Vertical	80	39.600
	S18BNG/V Nút chuông bản rộng có đèn báo xanh loại dọc 3A 3A big panel bell push with neon green Vertical	80	39.600
	S18BNR Nút chuông bản rộng có đèn báo đỏ 3A 3A big panel bell push with neon red Horizontal	80	39.600
	S18BNG Nút chuông bản rộng có đèn báo xanh 3A 3A big panel bell push with neon green Horizontal	80	39.600

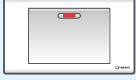
MẶT ÁT CHỨA MCB
BLANK PLATE FOR MCB

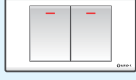
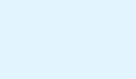
Hình ảnh Picture	Mã số/Diễn giải Cat.No/Description	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	ST121/M Mặt nhựa chứa 1 MCB kiểu M 1 gang plate for MCB - Single type M	300	12.500
	ST122/M Mặt nhựa chứa 2 MCB kiểu M 1 gang plate for MCB - Double type M	300	12.500
	ST121/HA Mặt nhựa chứa 1 MCCB kiểu A 1 gang plate for MCCB - Single type A	160	12.500
	ST121/HB Mặt nhựa chứa 1 MCCB kiểu B 1 gang plate for MCCB - Single type B	160	12.500
	S18121/HA Mặt nhựa chứa 1 MCCB kiểu A 1 gang plate for MCCB - Single type A	200	12.500
	S18121/HB Mặt nhựa chứa 1 MCCB kiểu B 1 gang plate for MCCB - Single type B	200	12.500
	S18121/M Mặt nhựa chứa 1 MCB kiểu M 1 gang plate for MCB - Single type M	300	12.500
	S18122/M Mặt nhựa chứa 2 MCB kiểu M 1 gang plate for MCB - Double type M	300	12.500
	S18121/AB Mặt nhựa chứa 1 MCCB kiểu A VÀ B 1 gang plate for MCCB - Single type A & B	200	12.500

Sê-ri S18 - S186

CÔNG TẮC PHÍM LỚN SÊ-RI S18 MEGA
S18 MEGA SERIES SWITCHES

Sê-ri S18

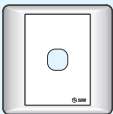
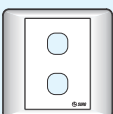
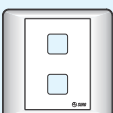
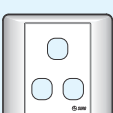
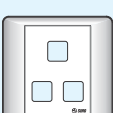
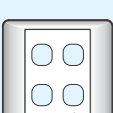
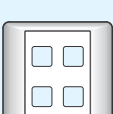
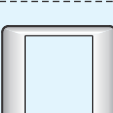
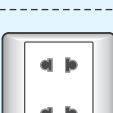
Hình ảnh Picture	Mã số/Diễn giải Cat.No/Description	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
 	S181D1 (S181D1/DL) Công tắc đơn 1 chiều phím lớn 10A 10A 1 gang 1 way switch big panel	100	19.000
	S181N1R (S181N1R/DL) Công tắc đơn 1 chiều phím lớn có đèn báo đỏ 10A 10A 1 gang 1 way switch with red neon big panel	100	26.800
	S181D2 (S181D2/DL) Công tắc đơn 2 chiều phím lớn 10A 10A 1 gang 2 way switch big panel	100	24.800
	S181N2R (S181N2R/DL) Công tắc đơn 2 chiều phím lớn có đèn báo đỏ 10A 10A 1 gang 2 way switch with red neon big panel	100	32.600
 	S182D1 (S182D1/DL) Công tắc đôi 1 chiều phím lớn 10A 10A 2 gang 1 way switch	100	23.800
	S182N1R (S182N1R/DL) Công tắc đôi 1 chiều phím lớn có đèn báo đỏ 10A 10A 2 gang 1 way switch with red neon big panel	100	39.500
	S182D2 (S182D2/DL) Công tắc đôi 2 chiều phím lớn 10A 10A 2 gang 2 way switch big panel	100	31.500
	S182N2R (S182N2R/DL) Công tắc đôi 2 chiều phím lớn có đèn báo đỏ 10A 10A 2 gang 2 way switch with red neon big panel	100	46.800
 	S183D1 (S183D1/DL) Công tắc ba 1 chiều phím lớn 10A 10A 3 gang 1 way switch big panel	100	34.000
	S183N1R (S183N1R/DL) Công tắc ba 1 chiều phím lớn có đèn báo đỏ 10A 10A 3 gang 1 way switch with red neon big panel	100	57.500
	S183D2 (S183D2/DL) Công tắc ba 2 chiều phím lớn 10A 10A 3 gang 2 way switch	100	47.800
	S183N2R (S183N2R/DL) Công tắc ba 2 chiều phím lớn có đèn báo đỏ 10A 10A 3 gang 2 way switch with red neon big panel	100	67.200

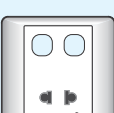
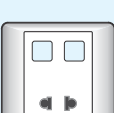
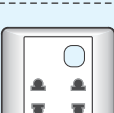
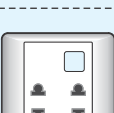
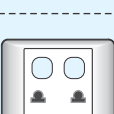
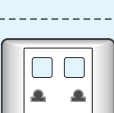
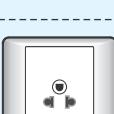
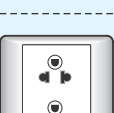
Hình ảnh Picture	Mã số/Diễn giải Cat.No/Description	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
  	S182D1/D2 (S182D1/D2/DL) 1 công tắc 1 chiều với 1 công tắc 2 chiều phím lớn 10A 10A 1 gang 1 way switch with 1 gang 2 way switch big panel	100	27.500
	S183D1/2D2 (S183D1/2D2/DL) 1 công tắc 1 chiều với 2 công tắc 2 chiều phím lớn 10A 10A 1 gang 1 way switch with 2 gang 2 way switch big panel	100	43.200
	S182N1/N2R (S182N1/N2R/DL) 1 công tắc 1 chiều với 1 công tắc 2 chiều phím lớn có đèn báo đỏ 10A 10A 1 gang 1 way switch with 1 gang 2 way W/Red big panel	100	43.200
	S183/2D1/D2 (S183/2D1/D2/DL) 2 công tắc 1 chiều với 1 công tắc 2 chiều phím lớn 10A 10A 2 gang 1 way switch with 1 gang 2 way switch big panel	100	38.800
 	S183N1/2N2R (S183N1/2N2R/DL) 1 công tắc 1 chiều với 2 công tắc 2 chiều phím lớn có đèn báo đỏ 10A 10A 1 gang 1 way switch with 2 gang 2 way W/Red big panel	100	63.800
	S183/2N1/N2R (S183/2N1/N2R/DL) 2 công tắc 1 chiều với 1 công tắc 2 chiều phím lớn có đèn báo đỏ 10A 10A 2 gang 1 way switch with 1 gang 2 way W/Red big panel	100	60.800

* Mã trong ngoặc (...) Là loại **S18 Duluxe** khi đặt hàng loại công tắc phím lớn Series S18-Duluxe sẽ dùng mã trong ngoặc và thêm chữ **Duluxe** ở tên hàng.

* Nếu muốn đặt hàng công tắc phím lớn có **đèn báo xanh** thì khi đặt hàng thay chữ "R" bằng chữ "G" trong mã hàng và tên hàng thay chữ "đèn báo đỏ" bằng chữ "**đèn báo xanh**"

Ổ CẮM CÔNG TẮC SÊ-RI S98 - S986
S98 - S986 SERIES SWITCHES & SOCKETS

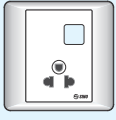
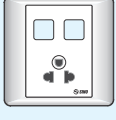
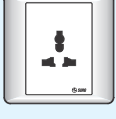
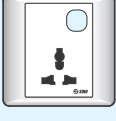
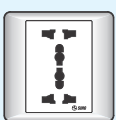
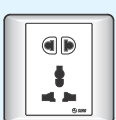
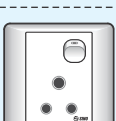
Hình ảnh Picture	Mã số/Diễn giải Cat.No/Description	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	S981/X Mặt 1 lỗ 1 gang plate	160	12.500
	S9861/X Mặt 1 lỗ 1 gang plate	160	12.500
	S982/X Mặt 2 lỗ 2 gang plate	160	12.500
	S9862/X Mặt 2 lỗ 2 gang plate	160	12.500
	S983/X Mặt 3 lỗ 3 gang plate	160	12.500
	S9863/X Mặt 3 lỗ 3 gang plate	160	12.500
	S984/X Mặt 4 lỗ 4 gang plate	160	15.800
	S9864/X Mặt 4 lỗ 4 gang plate	160	15.800
	S98WS Viên đơn trắng White electric single	100	6.800
	S98U Ổ cắm đơn 2 chấu 16A 16A 2 pin single socket	100	29.500
	S98U2 2 ổ cắm 2 chấu 16A 16A 2 pin double socket	100	44.600

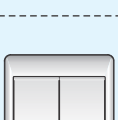
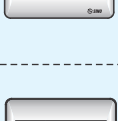
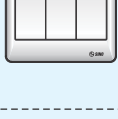
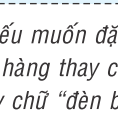
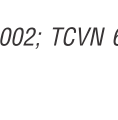
Hình ảnh Picture	Mã số/Diễn giải Cat.No/Description	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	S98U3 3 ổ cắm 2 chấu 16A 16A-250VAC 2 pin tripple socket	100	54.800
	S98UX Ổ cắm đơn 2 chấu 16A với 1 lỗ 16A 2 pin single socket W/1 gang	100	36.200
	S986UX Ổ cắm đơn 2 chấu 16A với 1 lỗ 16A 2 pin single socket W/1 gang	100	36.200
	S98UXX Ổ cắm đơn 2 chấu 16A với 2 lỗ 16A 2 pin single socket W/2 gangs	100	36.200
	S986UXX Ổ cắm đơn 2 chấu 16A với 2 lỗ 16A 2 pin single socket W/2 gangs	100	36.200
	S98U2X 2 ổ cắm 2 chấu 16A với 1 lỗ 16A 2 pin double socket W/1 gang	100	51.300
	S986U2X 2 ổ cắm 2 chấu 16A với 1 lỗ 16A 2 pin double socket W/1 gang	100	51.300
	S98U2XX 2 ổ cắm 2 chấu 16A với 2 lỗ 16A 2 pin double socket W/2 gangs	100	51.300
	S986U2XX 2 ổ cắm 2 chấu 16A với 2 lỗ 16A 2 pin double socket W/2 gangs	100	51.300
	S98UE Ổ cắm đơn 3 chấu 16A 16A 3 pin single socket	100	41.800
	S98UE2 2 ổ cắm 3 chấu 16A 16A 3 pin double socket	100	57.000

Sê-ri S98 - S986

Ổ CẮM CÔNG TẮC SÊ-RI S98 - S986
S98 - S986 SERIES SWITCHES & SOCKETS

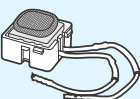
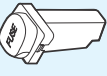
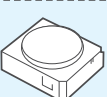
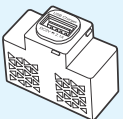
Sê-ri S98 - S986

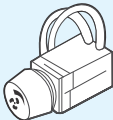
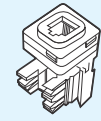
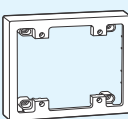
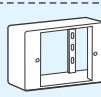
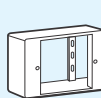
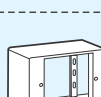
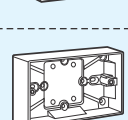
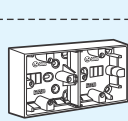
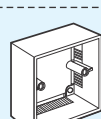
Hình ảnh Picture	Mã số/Diễn giải Cat.No/Description	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	S98UEX Ổ cắm đơn 3 chấu 16A với 1 lỗ 16A 3 pin single socket W/1 gang	100	44.500
	S986UEX Ổ cắm đơn 3 chấu 16A với 1 lỗ 16A 3 pin single socket W/1 gang	100	44.500
	S98UEXX Ổ cắm đơn 3 chấu 16A với 2 lỗ 16A 3 pin single socket W/2 gangs	100	44.500
	S986UEXX Ổ cắm đơn 3 chấu 16A với 2 lỗ 16A 3 pin single socket W/2 gangs	100	44.500
	S98UAM Ổ cắm đa năng có màn che 16A 16A 3 pin universal socket with shutter	100	41.800
	S98UAMX Ổ cắm đa năng có màn che 16A với 1 lỗ 16A 3 pin universal socket with shutter W/1 gang	100	44.500
	S986UAMX Ổ cắm đa năng có màn che 16A với 1 lỗ 16A 3 pin universal socket with shutter W/1 gang	100	44.500
	S98UAM2 2 Ổ cắm đa năng có màn che 16A 16A 3 pin double universal socket with shutter	100	62.700
	S98U/UAM Ổ cắm 2 chấu và ổ cắm đa năng có màn che 16A 16A 2 pin socket & 3 pin universal socket with shutter	100	57.000
	S98/10US Ổ cắm 2 chấu và 1 ổ 3 chấu kiểu Úc 16A 16A 2 pin & 3 pin Australia type socket	100	66.500
	S9815S Ổ cắm 3 chấu tròn kiểu Anh 15A có công tắc 15A 3 round pin British flush socket with switch	100	74.200
	S9813S Ổ cắm 3 chấu vuông kiểu Anh 13A có công tắc 13A 3 flat pin British flush socket with switch	100	77.500

Hình ảnh Picture	Mã số/Diễn giải Cat.No/Description	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	S981D1 Công tắc đơn 1 chiều phím lớn 10A 10A 1 gang 1 way - Mega switch	80	26.000
	S981D2 Công tắc đơn 2 chiều phím lớn 10A 10A 1 gang 2 way - Mega switch	80	40.000
	S982D1 Công tắc đôi 1 chiều phím lớn 10A 10A 2 gang 1 way - Mega switch	80	37.200
	S982D2 Công tắc đôi 2 chiều phím lớn 10A 10A 2 gang 2 way - Mega switch	80	66.600
	S983D1 Công tắc ba 1 chiều phím lớn 10A 10A 3 gang 1 way - Mega switch	80	50.200
	S983D2 Công tắc ba 2 chiều phím lớn 10A 10A 3 gang 2 way - Mega switch	80	79.200
	S981N1R Công tắc đơn 1 chiều phím lớn có đèn báo đỏ 10A 10A 1 gang 1 way - Mega switch with neon red	80	37.000
	S982N1R Công tắc đôi 1 chiều phím lớn có đèn báo đỏ 10A 10A 2 gang 1 way - Mega switch with neon red	80	52.500
	S983N1R Công tắc ba 1 chiều phím lớn có đèn báo đỏ 10A 10A 3 gang 1 way - Mega switch with neon red	80	70.200
	S981N2R Công tắc đơn 2 chiều phím lớn có đèn báo đỏ 10A 10A 1 gang 2 way - Mega switch with neon red	80	52.600
	S982N2R Công tắc đôi 2 chiều phím lớn có đèn báo đỏ 10A 10A 2 gang 2 way - Mega switch with neon red	80	93.800
	S983N2R Công tắc ba 2 chiều phím lớn có đèn báo đỏ 10A 10A 3 gang 2 way - Mega switch with neon red	80	115.000
	S98/XIR Công tắc tự động cảm ứng tia hồng ngoại 300VA-220VAC 300VA-220VAC Infrared faradaic automatic switch	80	308.000

* Nếu muốn đặt hàng công tắc phím lớn có đèn báo xanh thì khi đặt hàng thay chữ "R" bằng chữ "G" trong mã hàng và tên hàng thay chữ "đèn báo đỏ" bằng chữ "đèn báo xanh"

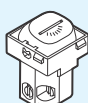
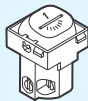
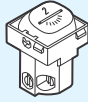
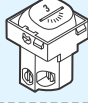
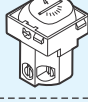
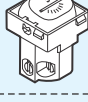
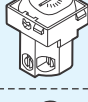
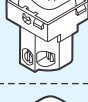
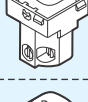
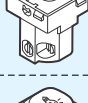
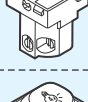
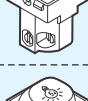
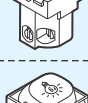
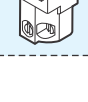
PHỤ KIỆN DÙNG CHUNG CHO SÊ-RI S18 - S98 - ZENLOCK
ACCESSORIES FOR S18 - S98 - ZENLOCK SERIES

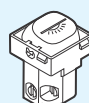
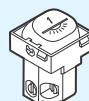
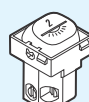
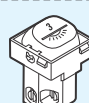
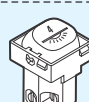
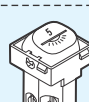
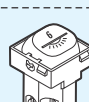
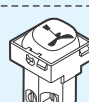
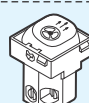
Hình ảnh Picture	Mã số/Diễn giải Cat.No/Description	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	S30/1/2M Công tắc 1 chiều 10A 10A 1 way switch	1200	10.200
	S30M Công tắc 2 chiều 10A 10A 2 way switch	1000	17.800
	S30MD20 Công tắc 2 cực 20A 20A double pole switch	500	65.500
	S30MBP2 Nút nhấn chuông 3A 3A bell push switch	1000	24.800
	S30NRD Đèn báo đỏ Neon indicator (red)	1200	16.500
	S30NGN Đèn báo xanh Neon indicator (green)	1200	16.500
	S30NRD/W Đèn báo đỏ có dây đấu sẵn Neon indicator (red) - C/w wiring	1000	13.800
	S30NGN/W Đèn báo xanh có dây đấu sẵn Neon indicator (green) - C/w wiring	1000	13.800
	S30TV75MS Ổ cắm Anten Tivi Television terminal	1000	40.200
	SSTD Hạt cầu chì ống 10A-250VAC 10A-250VAC fused connection units	500	30.200
	FTD Ổng cầu chì 250V - 5A, 10A, 15A 5A, 10A, 15A - 250V fuse links	100	9.200
	SX Nút che trơn Mounded removable plug	4000	4.000
	S30MI Công tắc trung gian đa chiều 10A 10A intermediate switch	500	129.000
	S30USB Ổ USB loại đơn 5V 2.1A 5V 2.1A USB socket	-	160.000

Hình ảnh Picture	Mã số/Diễn giải Cat.No/Description	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	S400VX Hạt chiết áp quạt 400VA 400VA fan control mechanism	300	102.000
	S500VX Hạt chiết áp đèn 500VA 500VA dimmer mechanism	300	102.000
	S1000VX Hạt chiết áp đèn 1000VA 1000VA dimmer mechanism	300	122.000
	S30RJ40 Ổ cắm điện thoại 4 dây 4 wire telephone socket	500	49.600
	S30RJ64 Ổ cắm điện thoại 6 dây 6 wire telephone socket	500	52.000
	S30RJ88 Ổ cắm máy tính 8 dây 8 wire computer socket	500	65.600
	S30RJ886 Ổ cắm máy tính 8 dây CAT6 CAT6 8 wire computer socket	500	75.500
	S30RJ40/W Ổ cắm điện thoại 4 dây có dây đấu sẵn 4 wire telephone socket - C/w wiring	500	41.000
	CK157/D Đế nổi nhựa loại đôi dùng cho kiểu S9; S18; S186 (150x120x30) Surface - Double box for S9; S18; S186 (150x120x30)	100	18.500
	CK157 Đế nổi nhựa dùng cho kiểu S9 Surface box for S9	115	6.000
	CK157RL Đế nổi nhựa chữ nhật thấp S18; S186 (120x70x26) Surface box for S18; S186 (120x70x26)	160	5.500
	CK157RH Đế nổi nhựa chữ nhật cao S18; S186 (120x70x35) Surface box for S18; S186 (120x70x35)	120	6.000
	ET238 Đế nổi nhựa dùng cho S1825SN, S18/2727 (148x86x33) Surface box for S1825SN, S18/2727 (148x86x33)	100	41.800
	S238/D Đế nổi nhựa loại đôi dùng cho S98 (175x88x35) Surface - Double box for S98 (175x88x35)	60	20.800
	S238 Đế nổi nhựa loại vuông dùng cho kiểu S98 (86x86x30) Surface box for S98 (86x86x30)	148	6.800

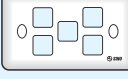
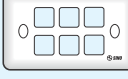
PK S18 - S98 - ZENLOCK

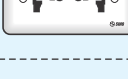
PHỤ KIỆN DÙNG CHUNG CHO SÊ-RI S18 - S98 - ZENLOCK
ACCESSORIES FOR S18 - S98 - ZENLOCK SERIES
PK S18 - S98 - ZENLOCK

Hình ảnh Picture	Mã số/Diễn giải Cat.No/Description	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	S30/1/2M/T Công tắc 1 chiều 10A hình ảnh đèn tuýp 10A 1 way switch with tube light icon	1200	11.500
	S30/1/2M/T1 Công tắc 1 chiều 10A hình ảnh đèn tuýp số 1 10A 1 way switch with tube light icon 1	1200	11.500
	S30/1/2M/T2 Công tắc 1 chiều 10A hình ảnh đèn tuýp số 2 10A 1 way switch with tube light icon 2	1200	11.500
	S30/1/2M/T3 Công tắc 1 chiều 10A hình ảnh đèn tuýp số 3 10A 1 way switch with tube light icon 3	1200	11.500
	S30/1/2M/T4 Công tắc 1 chiều 10A hình ảnh đèn tuýp số 4 10A 1 way switch with tube light icon 4	1200	11.500
	S30/1/2M/T5 Công tắc 1 chiều 10A hình ảnh đèn tuýp số 5 10A 1 way switch with tube light icon 5	1200	11.500
	S30/1/2M/T6 Công tắc 1 chiều 10A hình ảnh đèn tuýp số 6 10A 1 way switch with tube light icon 6	1200	11.500
	S30/1/2M/DT Công tắc 1 chiều 10A hình ảnh đèn tròn 10A 1 way switch with bulb light icon	1200	11.500
	S30/1/2M/DT1 Công tắc 1 chiều 10A hình ảnh đèn tròn số 1 10A 1 way switch with bulb light icon 1	1200	11.500
	S30/1/2M/DT2 Công tắc 1 chiều 10A hình ảnh đèn tròn số 2 10A 1 way switch with bulb light icon 2	1200	11.500
	S30/1/2M/DT3 Công tắc 1 chiều 10A hình ảnh đèn tròn số 3 10A 1 way switch with bulb light icon 3	1200	11.500
	S30/1/2M/DT4 Công tắc 1 chiều 10A hình ảnh đèn tròn số 4 10A 1 way switch with bulb light icon 4	1200	11.500
	S30/1/2M/DT5 Công tắc 1 chiều 10A hình ảnh đèn tròn số 5 10A 1 way switch with bulb light icon 5	1200	11.500
	S30/1/2M/DT6 Công tắc 1 chiều 10A hình ảnh đèn tròn số 6 10A 1 way switch with bulb light icon 6	1200	11.500

Hình ảnh Picture	Mã số/Diễn giải Cat.No/Description	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	S30/1/2M/OT Công tắc 1 chiều 10A hình ảnh đèn ốp trần 10A 1 way switch with ceiling light icon	1200	11.500
	S30/1/2M/OT1 Công tắc 1 chiều 10A hình ảnh đèn ốp trần số 1 10A 1 way switch with ceiling light icon 1	1200	11.500
	S30/1/2M/OT2 Công tắc 1 chiều 10A hình ảnh đèn ốp trần số 2 10A 1 way switch with ceiling light icon 2	1200	11.500
	S30/1/2M/OT3 Công tắc 1 chiều 10A hình ảnh đèn ốp trần số 3 10A 1 way switch with ceiling light icon 3	1200	11.500
	S30/1/2M/OT4 Công tắc 1 chiều 10A hình ảnh đèn ốp trần số 4 10A 1 way switch with ceiling light icon 4	1200	11.500
	S30/1/2M/OT5 Công tắc 1 chiều 10A hình ảnh đèn ốp trần số 5 10A 1 way switch with ceiling light icon 5	1200	11.500
	S30/1/2M/OT6 Công tắc 1 chiều 10A hình ảnh đèn ốp trần số 6 10A 1 way switch with ceiling light icon 6	1200	11.500
	S30/1/2M/DC Công tắc 1 chiều 10A hình ảnh đèn chùm 10A 1 way switch with chandeliers icon	1200	11.500
	S30/1/2M/QT Công tắc 1 chiều 10A hình ảnh quạt trần 10A 1 way switch with ceiling fans icon	1200	11.500
	S30/1/2M/QTG Công tắc 1 chiều 10A hình ảnh quạt thông gió 10A 1 way switch with ventilators icon	1200	11.500

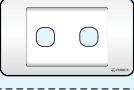
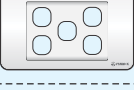
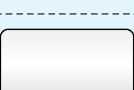
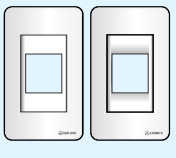
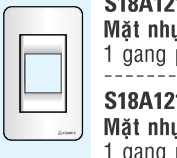
Ổ CẮM CÔNG TẮC SÊ-RI S19
S19 SERIES SWITCHES & SOCKETS

Hình ảnh Picture	Mã số/Diễn giải Cat.No/Description	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	S191 (S191V) Mặt 1 lỗ 1 gang plate	300	12.800
	S192 (S192V) Mặt 2 lỗ 2 gang plate	300	12.800
	S193 (S193V) Mặt 3 lỗ 3 gang plate	300	12.800
	S194 (S194V) Mặt 4 lỗ 4 gang plate	300	21.200
	S195 (S195V) Mặt 5 lỗ 5 gang plate	300	21.200
	S196 (S196V) Mặt 6 lỗ 6 gang plate	300	21.200
	S190 (S190V) Mặt che trơn Blank plate	300	17.000
	S1981 (S1981V) Ổ cắm đơn 2 chấu 16A 16A 2 pin single socket	100	29.500
	S1982 (S1982V) 2 ổ cắm 2 chấu 16A 16A 2 pin double socket	100	49.500
	S1983 (S1983V) 3 ổ cắm 2 chấu 16A 16A 2 pin triple socket	100	66.000
	S198X (S198XV) Ổ cắm đơn 2 chấu 16A với 1 lỗ 16A 2 pin single socket W/1 gang	100	45.800
	S198XX (S198XXV) Ổ cắm đơn 2 chấu 16A với 2 lỗ 16A 2 pin single socket W/2 gangs	100	45.800
	S1982X (S1982XV) 2 ổ cắm 2 chấu 16A với 1 lỗ 16A 2 pin 2 socket W/1 gang	100	57.500
	S1982XX (S1982XXV) 2 ổ cắm 2 chấu 16A với 2 lỗ 16A 2 pin 2 socket W/2 gangs	100	57.500
	S1981E (S1981EV) Ổ cắm đơn 3 chấu 16A 16A 3 pin single socket	100	52.200
	S1982E (S1982EV) 2 ổ cắm 3 chấu 16A 16A 3 pin double socket	100	70.200

Hình ảnh Picture	Mã số/Diễn giải Cat.No/Description	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	S198EX (S198EXV) Ổ cắm đơn 3 chấu 16A với 1 lỗ 16A 3 pin single socket W/1 gang	100	60.000
	S198EXX (S198EXXV) Ổ cắm đơn 3 chấu 16A với 2 lỗ 16A 3 pin single socket W/2 gangs	100	75.800
	S198AM (S198AMV) Ổ cắm đa năng có màn che 16A 16A 3 pin universal socket with shutter	100	52.200
	S198AM/X (S198AM/XV) Ổ cắm đa năng có màn che 16A với 1 lỗ 16A 3 pin universal socket with shutter W/1 gang	100	60.000
	S198AM2 2 Ổ cắm đa năng có màn che 16A 16A 3 pin double universal socket with shutter	100	77.200
	S198AMD2 2 Ổ cắm đa năng dọc có màn che 16A 16A 3 pin double universal socket vertical with shutter	100	-
	S1981/AM Ổ cắm 2 chấu và ổ cắm đa năng có màn che 16A 16A 2 pin socket & 3 pin universal socket with shutter	100	70.200
	S198/10US Ổ cắm 2 chấu và 1 ổ 3 chấu kiểu Úc 16A 16A 2 pin & 3 pin Australia type socket	100	78.200
	S19CAP Nút đậy lỗ vít Screw caps	100	520

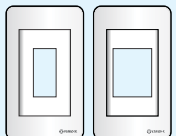
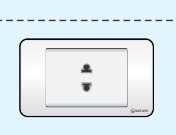
Mã số ngoài ngoặc đơn () được hiểu là mã số của mặt và ổ cắm loại nằm ngang. Mã số trong ngoặc đơn () có thêm chữ V ở cuối là mã số của mặt ổ cắm loại lắp dọc - Có thể đặt hàng

Ổ CẮM CÔNG TẮC SÊ-RI S18A - S18AS
S18A - S18AS SERIES SWITCHES & SOCKETS
Sê-ri S18A

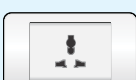
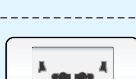
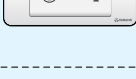
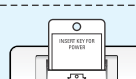
Hình ảnh Picture	Mã số/Diễn giải Cat.No/Description	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	S18A1X Mặt 1 lỗ 1 gang plate	200	13.500
	S18AS1X Mặt 1 lỗ 1 gang plate	200	13.500
	S18A2X Mặt 2 lỗ 2 gang plate	200	13.500
	S18AS2X Mặt 2 lỗ 2 gang plate	200	13.500
	S18A3X Mặt 3 lỗ 3 gang plate	200	13.500
	S18AS3X Mặt 3 lỗ 3 gang plate	200	13.500
	S18A4X Mặt 4 lỗ 4 gang plate	200	18.200
	S18AS4X Mặt 4 lỗ 4 gang plate	200	22.600
	S18A5X Mặt 5 lỗ 5 gang plate	200	18.500
	S18AS5X Mặt 5 lỗ 5 gang plate	200	22.600
	S18A6X Mặt 6 lỗ 6 gang plate	200	18.500
	S18AS6X Mặt 6 lỗ 6 gang plate	200	22.600
	S18AXL (S18AXL/V) Viên đơn trắng White electric single standard surround - Horizontal	300	8.200
	S18A0 Mặt che trơn Blank plate	200	15.000
	S18A121/HA Mặt nhựa chứa 1 MCCB kiểu A 1 gang plate for MCCB - Single type A	160	13.500
	S18A121/HB Mặt nhựa chứa 1 MCCB kiểu B 1 gang plate for MCCB - Single type B	160	13.500

Mã số ngoài ngoặc đơn () được hiểu là mã số của mặt và ổ cắm loại nằm ngang. Mã số trong ngoặc đơn () có thêm chữ V ở cuối là mã số của mặt ổ cắm loại lắp dọc - Có thể đặt hàng

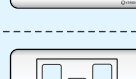
Sản phẩm thuộc tiêu chuẩn / Standard: BS 5733:1995; TCVN 6188-1:2007; IEC 60884-1:2002

Hình ảnh Picture	Mã số/Diễn giải Cat.No/Description	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	S18A121/M Mặt nhựa chứa 1 MCB kiểu M 1 gang plate for MCB - Single type M	200	13.500
	S18A122/M Mặt nhựa chứa 2 MCB kiểu M 1 gang plate for MCB - Double type M	200	13.500
	S18AU Ổ cắm đơn 2 chấu 16A 16A 2 pin single socket	100	35.500
	S18AU2 2 ổ cắm 2 chấu 16A 16A 2 pin double socket	100	53.500
	S18AU3 3 ổ cắm 2 chấu 16A 16A 2 pin triple socket	100	65.800
	S18AU/X Ổ cắm đơn 2 chấu 16A với 1 lỗ 16A 2 pin single socket W/1 gang	100	42.000
	S18ASU/X Ổ cắm đơn 2 chấu 16A với 1 lỗ 16A 2 pin single socket W/1 gang	100	49.000
	S18AU/XX Ổ cắm đơn 2 chấu 16A với 2 lỗ 16A 2 pin single socket W/2 gangs	100	42.000
	S18ASU/XX Ổ cắm đơn 2 chấu 16A với 2 lỗ 16A 2 pin single socket W/2 gangs	100	49.000
	S18AU2/X 2 ổ cắm 2 chấu 16A với 1 lỗ 16A 2 pin 2 socket W/1 gang	100	52.000
	S18ASU2/X 2 ổ cắm 2 chấu 16A với 1 lỗ 16A 2 pin 2 socket W/1 gang	100	61.600
	S18AU2/XX 2 ổ cắm 2 chấu 16A với 2 lỗ 16A 2 pin 2 socket W/2 gangs	100	52.000
	S18ASU2/XX 2 ổ cắm 2 chấu 16A với 2 lỗ 16A 2 pin 2 socket W/2 gangs	100	61.600
	S18AUE Ổ cắm đơn 3 chấu 16A 16A 3 pin single socket	100	50.200
	S18AUE2 2 ổ cắm 3 chấu 16A 16A 3 pin double socket	100	68.500
	S18AUE/X Ổ cắm đơn 3 chấu 16A với 1 lỗ 16A 3 pin single socket W/1 gang	100	53.200

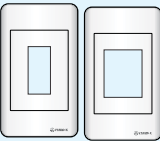
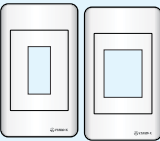
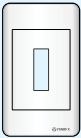
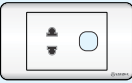
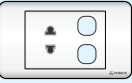
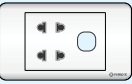
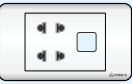
Ổ CẮM CÔNG TẮC SÊ-RI S18A - S18AS
S18A - S18AS SERIES SWITCHES & SOCKETS

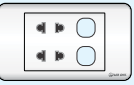
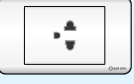
Hình ảnh Picture	Mã số/Diễn giải Cat.No/Description	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	S18ASUE/X Ổ cắm đơn 3 chấu 16A với 1 lỗ 16A 3 pin single socket W/1 gang	100	81.000
	S18AUE/XX Ổ cắm đơn 3 chấu 16A với 2 lỗ 16A 3 pin single socket W/2 gangs	100	53.200
	S18ASUE/XX Ổ cắm đơn 3 chấu 16A với 2 lỗ 16A 3 pin single socket W/2 gangs	100	81.000
	S18AUAM (S18AUAM/V) Ổ cắm đa năng có màn che 16A 16A 3 pin universal socket with shutter	100	50.200
	S18AUAMX Ổ cắm đa năng có màn che 16A với 1 lỗ 16A 3 pin universal socket with shutter w/1 gang	100	53.500
	S18ASUAMX Ổ cắm đa năng có màn che 16A với 1 lỗ 16A 3 pin universal socket with shutter w/1 gang	100	61.500
	S18AUAMD2 2 Ổ cắm đa năng dọc có màn che 16A 16A 3 pin double universal socket vertical with shutter	100	75.300
	S18AUAM2 2 Ổ cắm đa năng có màn che 16A 16A 3 pin double universal socket with shutter	100	75.300
	S18AU/UAM Ổ cắm 2 chấu và ổ cắm đa năng có màn che 16A 16A 2 pin socket & 3 pin universal socket with shutter	100	68.500
	S18AU/10US Ổ cắm 2 chấu và 1 ổ 3 chấu kiểu Úc 16A 16A 2 pin & 3 pin Australia type socket	100	79.800
	S18A/501 Công tắc dùng thẻ từ 16A có Thời gian chậm 16A saving switch with Time delay	60	380.500
	S18AKT + SKTA Bộ chìa khóa ngắt điện 20A có đèn báo chìa khóa kiểu A 20A key tag switch with neon type A	80	315.600
	S18AKT + SKTB Bộ chìa khóa ngắt điện 20A có đèn báo chìa khóa kiểu B 20A key tag switch with neon type B	80	315.600

Ổ CẮM CÔNG TẮC SÊ-RI ZENLOCK & ZENLOCK-S
ZENLOCK & ZENLOCK-S SERIES SWITCHES & SOCKETS

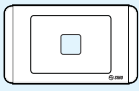
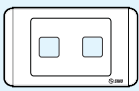
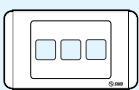
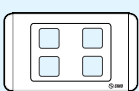
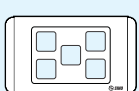
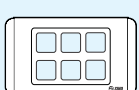
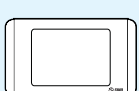
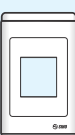
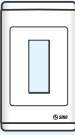
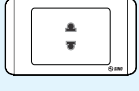
Hình ảnh Picture	Mã số/Diễn giải Cat.No/Description	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	ZL1X Mặt 1 lỗ 1 gang plate	200	13.200
	ZLS1X Mặt 1 lỗ 1 gang plate	200	13.500
	ZL2X Mặt 2 lỗ 2 gang plate	200	13.200
	ZLS2X Mặt 2 lỗ 2 gang plate	200	13.500
	ZL3X Mặt 3 lỗ 3 gang plate	200	13.200
	ZLS3X Mặt 3 lỗ 3 gang plate	200	13.500
	ZL4X Mặt 4 lỗ 4 gang plate	200	16.600
	ZLS4X Mặt 4 lỗ 4 gang plate	200	18.200
	ZL5X Mặt 5 lỗ 5 gang plate	200	16.800
	ZLS5X Mặt 5 lỗ 5 gang plate	200	18.500
	ZL6X Mặt 6 lỗ 6 gang plate	200	16.800
	ZLS6X Mặt 6 lỗ 6 gang plate	200	18.500
	ZLXL Viên đơn trắng White electric single standard surround - Horizontal	300	7.200
	ZLXL/V Viên đơn trắng loại dọc White electric single standard surround - Vertical	300	7.200

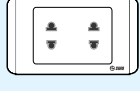
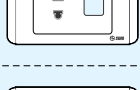
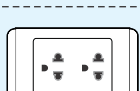
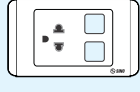
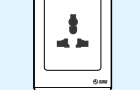
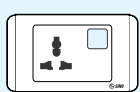
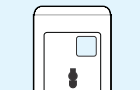
Ổ CẮM CÔNG TẮC SÊ-RI ZENLOCK & ZENLOCK-S
ZENLOCK & ZENLOCK-S SERIES SWITCHES & SOCKETS
Sê-ri ZENLOCK - ZENLOCK-S

Hình ảnh Picture	Mã số/Diễn giải Cat.No/Description	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	ZLO Mặt che trơn Blank plate	200	13.200
	ZL121/HB Mặt nhựa chứa 1 MCCB kiểu B 1 gang plate for MCCB - Single type B	200	13.200
	ZL121/M Mặt nhựa chứa 1 MCB kiểu M 1 gang plate for MCB - Single type M	300	13.200
	ZL122/M Mặt nhựa chứa 2 MCB kiểu M 1 gang plate for MCB - Double type M	300	13.200
	ZL121/AB Mặt nhựa chứa 1 MCCB kiểu A VÀ B 1 gang plate for MCCB - Single type A & B	200	13.200
	ZLU Ổ cắm đơn 2 chấu 16A 16A 2 pin single socket	100	31.000
	ZLU2 2 ổ cắm 2 chấu 16A 16A 2 pin double socket	100	46.800
	ZLU3 3 ổ cắm 2 chấu 16A 16A 2 pin triple socket	100	57.500
	ZLU/X Ổ cắm đơn 2 chấu 16A với 1 lỗ 16A 2 pin single socket W/1 gang	100	38.000
	ZLSU/X Ổ cắm đơn 2 chấu 16A với 1 lỗ 16A 2 pin single socket W/1 gang	100	42.000
	ZLU/XX Ổ cắm đơn 2 chấu 16A với 2 lỗ 16A 2 pin single socket W/2 gangs	100	38.000
	ZLSU/XX Ổ cắm đơn 2 chấu 16A với 2 lỗ 16A 2 pin single socket W/2 gangs	100	42.000
	ZLU2/X 2 ổ cắm 2 chấu 16A với 1 lỗ 16A 2 pin 2 socket W/1 gang	100	45.600
	ZLSU2/X 2 ổ cắm 2 chấu 16A với 1 lỗ 16A 2 pin 2 socket W/1 gang	100	52.000

Hình ảnh Picture	Mã số/Diễn giải Cat.No/Description	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	ZLU2/XX 2 ổ cắm 2 chấu 16A với 2 lỗ 16A 2 pin 2 socket W/2 gangs	100	45.600
	ZLSU2/XX 2 ổ cắm 2 chấu 16A với 2 lỗ 16A 2 pin 2 socket W/2 gangs	100	52.000
	ZLUE Ổ cắm đơn 3 chấu 16A 16A 3 pin single socket	100	43.900
	ZLUE2 2 ổ cắm 3 chấu 16A 16A 3 pin double socket	100	59.900
	ZLUE/X Ổ cắm đơn 3 chấu 16A với 1 lỗ 16A 3 pin single socket W/1 gang	100	46.800
	ZLSUE/X Ổ cắm đơn 3 chấu 16A với 1 lỗ 16A 3 pin single socket W/1 gang	100	53.200
	ZLUE/XX Ổ cắm đơn 3 chấu 16A với 2 lỗ 16A 3 pin single socket W/2 gangs	100	46.800
	ZLSUE/XX Ổ cắm đơn 3 chấu 16A với 2 lỗ 16A 3 pin single socket W/2 gangs	100	53.200
	ZLUAM Ổ cắm đa năng có màn che 16A 16A 3 pin universal socket with shutter	100	43.900
	ZLUAMX Ổ cắm đa năng có màn che 16A với 1 lỗ 16A 3 pin universal socket with shutter w/1 gang	100	46.800
	ZLSUAMX Ổ cắm đa năng có màn che 16A với 1 lỗ 16A 3 pin universal socket with shutter w/1 gang	100	53.500
	ZLUAM2 2 Ổ cắm đa năng có màn che 16A 16A 3 pin double universal socket with shutter	100	75.300
	ZLUAMD2 2 Ổ cắm đa năng dọc có màn che 16A 16A 3 pin double universal socket vertical with shutter	100	-
	ZLU/UAM Ổ cắm 2 chấu và ổ cắm đa năng có màn che 16A 16A 2 pin socket & 3 pin universal socket with shutter	100	68.500

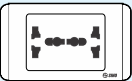
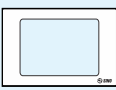
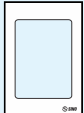
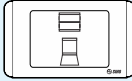
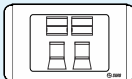
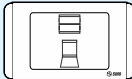
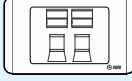
MẶT VÀ Ổ CẮM SÊ-RI S68
S68 SERIES GRID PLATE & SOCKET

Hình ảnh Picture	Mã số/Diễn giải Cat.No/Description	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	S681X Mặt 1 lỗ 1 gang plate	200	13.500
	S682X Mặt 2 lỗ 2 gang plate	200	13.500
	S683X Mặt 3 lỗ 3 gang plate	200	13.500
	S684X Mặt 4 lỗ 4 gang plate	200	18.200
	S685X Mặt 5 lỗ 5 gang plate	200	18.500
	S686X Mặt 6 lỗ 6 gang plate	200	18.500
	S680 Mặt che trơn Blank plate	200	15.000
	S68121/HA Mặt nhựa chứa 1 MCCB kiểu A S68 1 gang plate for MCCB - Single type A S68	200	13.500
	S68121/HB Mặt nhựa chứa 1 MCCB kiểu B S68 1 gang plate for MCCB - Single type B S68	200	13.500
	S68121/M Mặt nhựa chứa 1 MCB kiểu M S68 1 gang plate for MCB - Single type M S68	200	13.500
	S68122/M Mặt nhựa chứa 2 MCB kiểu M S68 1 gang plate for MCB - Double type M S68	200	13.500
	S68U Ổ cắm đơn 2 chấu 16A 16A 2 pin single socket	100	35.500

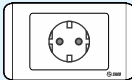
Hình ảnh Picture	Mã số/Diễn giải Cat.No/Description	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	S68U2 2 ổ cắm 2 chấu 16A 16A 2 pin double socket	100	53.500
	S68U3 3 ổ cắm 2 chấu 16A 16A 2 pin triple socket	100	65.800
	S68U/X Ổ cắm đơn 2 chấu 16A với 1 lỗ 16A 2 pin single socket W/1 gang	100	42.000
	S68U/XX Ổ cắm đơn 2 chấu 16A với 2 lỗ 16A 2 pin single socket W/2 gangs	100	42.000
	S68U2/X 2 ổ cắm 2 chấu 16A với 1 lỗ 16A 2 pin double socket W/1 gang	100	52.000
	S68U2/XX 2 ổ cắm 2 chấu 16A với 2 lỗ 16A 2 pin double socket W/2 gangs	100	52.000
	S68UE Ổ cắm đơn 3 chấu 16A 16A 3 pin single socket	100	50.200
	S68UE2 2 ổ cắm 3 chấu 16A 16A 3 pin double socket	100	68.500
	S68UE/X Ổ cắm đơn 3 chấu 16A với 1 lỗ 16A 3 pin single socket W/1 gang	100	53.200
	S68UE/XX Ổ cắm đơn 3 chấu 16A với 2 lỗ 16A 3 pin single socket W/2 gangs	100	53.200
	S68UAM Ổ cắm đa năng có màn che 16A 16A 3 pin universal socket with shutter	100	50.200
	S68UAM/V Ổ cắm đa năng có màn che 16A loại dọc 16A 3 pin universal socket with shutter Vertical	100	50.200
	S68UAM/X Ổ cắm đa năng có màn che 16A với 1 lỗ 16A 3 pin universal socket with shutter W/1 gang	100	53.500
	S68UAM/XV Ổ cắm đa năng có màn che 16A với 1 lỗ loại dọc 16A 3 pin universal socket with shutter W/1 gang - Vertical	100	53.500

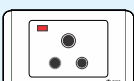
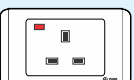
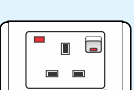
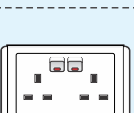
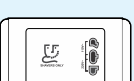
Sê-ri S68

MẶT VÀ Ổ CẮM SÊ-RI S68
S68 SERIES GRID PLATE & SOCKET
Sê-ri S68

Hình ảnh Picture	Mã số/Diễn giải Cat.No/Description	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	S68UAM2 2 Ổ cắm đa năng có màn che 16A 16A 3 pin double universal socket with shutter	100	75.300
	S68UAMD2 2 Ổ cắm đa năng dọc có màn che 16A 16A 3 pin double universal socket vertical with shutter	100	-
	S68U/UAM Ổ cắm 2 chấu và ổ cắm đa năng có màn che 16A 16A 2 pin socket & 3 pin universal socket with shutter	100	68.500
	S68XL Viên đơn Electric single	100	7.600
	S68XL/V Viên đơn loại dọc Electric single vertical	100	7.600
	S6831RJ Ổ cắm điện thoại 4 dây có nắp che loại đơn 1 gang telephone outlet with shutter	100	59.000
	S6832RJ Ổ cắm điện thoại 4 dây có nắp che loại đôi 2 gang telephone outlet with shutter	100	90.500
	S6831RJ5E Ổ cắm máy tính 8 dây có nắp che loại đơn 1 gang data outlet with shutter	100	80.800
	S6832RJ5E Ổ cắm máy tính 8 dây có nắp che loại đôi 2 gang data outlet with shutter	100	128.000
	S6832RJ/RJ5E 1 ổ cắm điện thoại 4 dây và 1 ổ cắm máy tính 8 dây có nắp che loại đôi 2 gang telephone outlet and data outlet with shutter	100	128.000

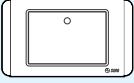
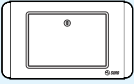
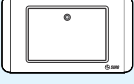
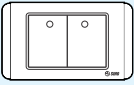
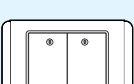
MẶT VÀ Ổ CẮM SÊ-RI S68 EURO
S68 EURO SERIES GRID PLATE & SOCKET

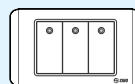
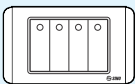
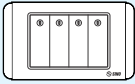
	S68/16 Ổ cắm "SCHUKO" 16A tiếp đất 16A pin & earth "Schuko" socket	80	81.600
	S68U/10US Ổ cắm 2 chấu và 1 ổ 3 chấu kiểu Úc 16A 16A 2 pin & 3 pin Australia type socket	100	108.000

	S6815N Công tắc 3 chấu tròn kiểu Anh 15A có đèn báo 15A 3 round pin British flush socket with neon	100	120.000
	S6815SN Công tắc 3 chấu tròn kiểu Anh 15A có công tắc và đèn báo 15A 3 round pin British flush socket with switch and neon	100	131.000
	S6813N Ổ cắm 3 chấu vuông kiểu Anh 13A có đèn báo 13A 3 flat pin British flush socket with neon	100	127.000
	S6813SN Ổ cắm 3 chấu vuông kiểu Anh 13A có công tắc và đèn báo 13A 3 flat pin British flush socket with switch and neon	100	138.000
	S6825S Ổ cắm đôi 3 chấu vuông kiểu Anh 13A có công tắc 13A twin 3 flat pin British flush socket with switch	60	310.000
	S68/2727 Ổ cắm dao cạo râu 110/240V-20VA 110/240V-20VA shaver sockets	30	1.025.000
	S68/501 Công tắc dùng thẻ từ có thời gian chậm 16A 16A saving switch with time delay	60	515.000
	S68KT+SKTA Bộ chìa khóa ngắt điện 20A có đèn báo - chìa khóa kiểu A 20A key tag switch with neon - Type A	80	273.000
	S68KT+SKTB Bộ chìa khóa ngắt điện 20A có đèn báo - chìa khóa kiểu B 20A key tag switch with neon - Type B	80	273.000

Sản phẩm thuộc tiêu chuẩn / Standard: TCVN 6188-1:2007; IEC 60884-1:2002; TCVN 6480-1:2008; IEC 60669-1:2007; BS 6312-2-2:1997; IEC 60603-7-1:2009; ISO/IEC 11801:2002

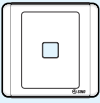
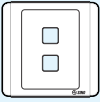
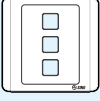
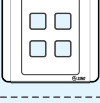
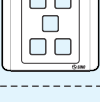
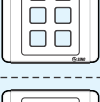
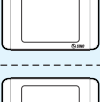
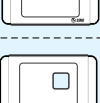
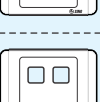
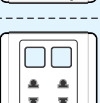
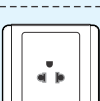
CÔNG TẮC PHÍM LỚN SÊ-RI S68D - S68 MEGA
S68D - S68 MEGA SERIES SWITCHES

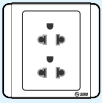
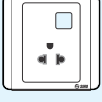
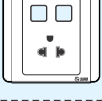
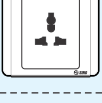
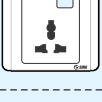
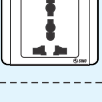
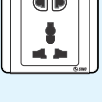
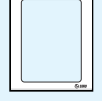
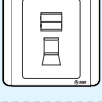
Hình ảnh Picture	Mã số/Diễn giải Cat.No/Description	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	S68D1A 100 22.800 Công tắc đơn 1 chiều phím lớn 10A 10A 1 gang 1 way switch		
	S68D1 100 43.200 Công tắc đơn 1 chiều phím lớn có dạ quang 10A 10A 1 gang 1 way switch with fluorescent		
	S68DN1 100 53.500 Công tắc đơn 1 chiều phím lớn có đèn led trắng 10A 10A 1 gang 1 way switch with led		
	S68DM1A 100 26.000 Công tắc đơn 2 chiều phím lớn 10A 10A 1 gang 2 way switch		
	S68DM1 100 50.000 Công tắc đơn 2 chiều phím lớn có dạ quang 10A 10A 1 gang 2 way switch with fluorescent		
	S68DMN1 100 61.000 Công tắc đơn 2 chiều phím lớn có đèn led trắng 10A 10A 1 gang 2 way switch with led		
	S68D2A 100 32.800 Công tắc đôi 1 chiều phím lớn 10A 10A 2 Gang 1 Way Switch		
	S68D2 100 64.000 Công tắc đôi 1 chiều phím lớn có dạ quang 10A 10A 2 gang 1 way switch with fluorescent		
	S68DN2 100 79.500 Công tắc đôi 1 chiều phím lớn có đèn led trắng 10A 10A 2 gang 1 way switch with led		
	S68DM2A 100 34.500 Công tắc đôi 2 chiều phím lớn 10A 10A 2 gang 2 way switch		
	S68DM2 100 67.200 Công tắc đôi 2 chiều phím lớn có dạ quang 10A 10A 2 gang 2 way switch with fluorescent		
	S68DMN2 100 82.600 Công tắc đôi 2 chiều phím lớn có đèn led trắng 10A 10A 2 gang 2 way switch with led		
	S68D3A 100 42.800 Công tắc ba 1 chiều phím lớn 10A 10A 3 gang 1 way switch		
	S68D3 100 80.800 Công tắc ba 1 chiều phím lớn có dạ quang 10A 10A 3 gang 1 way switch with fluorescent		
	S68DN3 100 98.600 Công tắc ba 1 chiều phím lớn có đèn led trắng 10A 10A 3 gang 1 way switch with led		

Hình ảnh Picture	Mã số/Diễn giải Cat.No/Description	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	S68DM3A 100 46.500 Công tắc ba 2 chiều phím lớn 10A 10A 3 gang 2 way switch		
	S68DM3 100 87.300 Công tắc ba 2 chiều phím lớn có dạ quang 10A 10A 3 gang 2 way switch with fluorescent		
	S68DMN3 100 107.800 Công tắc ba 2 chiều phím lớn có đèn led trắng 10A 10A 3 gang 2 way switch with Led		
	S68D4A 100 52.800 Công tắc bốn 1 chiều phím lớn 10A 10A 4 gang 1 way switch		
	S68D4 100 105.600 Công tắc bốn 1 chiều phím lớn có dạ quang 10A 10A 4 gang 1 way switch with fluorescent		
	S68DN4 100 131.600 Công tắc bốn 1 chiều phím lớn có đèn led trắng 10A 10A 4 gang 1 way switch with led		
	S68DM4A 100 56.000 Công tắc bốn 2 chiều phím lớn 10A 10A 4 gang 2 way switch		
	S68DM4 100 111.500 Công tắc bốn 2 chiều phím lớn có dạ quang 10A 10A 4 gang 2 way switch with fluorescent		
	S68DMN4 100 137.500 Công tắc bốn 2 chiều phím lớn có đèn led trắng 10A 10A 4 gang 2 way switch with led		
	S68DBP 100 60.500 Nút chuông lớn có dạ quang 10A 10A big panel bell push with switch fluorescent		

Sê-ri S68D

MẶT VÀ Ổ CẮM SÊ-RI S66
S66 SERIES GRID PLATE & SOCKET
Sê-ri S66

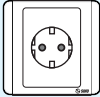
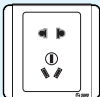
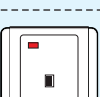
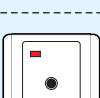
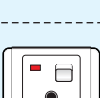
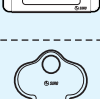
Hình ảnh Picture	Mã số/Diễn giải Cat.No/Description	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	S661X Mặt 1 lỗ 1 gang plate	200	14.900
	S662X Mặt 2 lỗ 2 gang plate	200	14.900
	S663X Mặt 3 lỗ 3 gang plate	200	14.900
	S664X Mặt 4 lỗ 4 gang plate	200	20.000
	S665X Mặt 5 lỗ 5 gang plate	200	20.500
	S666X Mặt 6 lỗ 6 gang plate	200	20.500
	S660 Mặt Che Trơn blank plate	200	16.500
	S66U Ổ Cắm Đơn 2 Chấu 16A 16A 2 pin single socket	100	39.000
	S66U2 2 Ổ Cắm 2 Chấu 16A 16A 2 pin double socket	100	58.900
	S66U/X Ổ cắm đơn 2 chấu 16A với 1 lỗ 16A 2 pin single socket W/1 gang	100	46.200
	S66U/XX Ổ cắm đơn 2 chấu 16A với 2 lỗ 16A 2 pin single socket W/2 gangs	100	46.200
	S66U2/X 2 ổ cắm 2 chấu 16A với 1 lỗ 16A 2 pin double socket W/ 1 gang	100	57.500
	S66U2/XX 2 ổ cắm 2 chấu 16A với 2 lỗ 16A 2 pin double socket W/ 2 gangs	100	57.500
	S66UE Ổ cắm đơn 3 chấu 16A 16A 3 pin single socket	100	55.200

Hình ảnh Picture	Mã số/Diễn giải Cat.No/Description	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	S66UE2 2 Ổ cắm 3 chấu 16A 16A 3 pin double socket	100	75.500
	S66UE/X Ổ cắm đơn 3 chấu 16A với 1 lỗ 16A 3 pin single socket W/1 gang	100	58.500
	S66UE/XX Ổ cắm đơn 3 chấu 16A với 2 lỗ 16A 3 pin single socket W/2 gangs	100	58.500
	S66UAM Ổ cắm đa năng có màn che 16A 16A 3 pin universal socket with shutter	100	69.600
	S66UAM/X Ổ cắm đa năng có màn che 16A với 1 lỗ 16A 3 pin universal socket with shutter W/1 gang	100	80.500
	S66UAM2 2 ổ cắm đa năng có màn che 16A 16A 3 pin double universal socket with shutter	100	83.000
	S66U/UAM Ổ cắm 2 chấu và ổ cắm đa năng có màn che 16A 16A 2 pin socket & 3 pin universal socket with shutter	100	75.500
	S66XL Viền đơn Electric single standard surround	100	7.600
	S6631RJ Ổ cắm điện thoại 4 dây có nắp che loại đơn 1 gang telephone outlet with shutter	100	59.000
	S6632RJ Ổ cắm điện thoại 4 dây có nắp che loại đôi 2 gang telephone outlet with shutter	100	90.500
	S6631RJ5E Ổ cắm máy tính 8 dây có nắp che loại đơn 1 gang data outlet with shutter	100	80.800
	S6632RJ5E Ổ cắm máy tính 8 dây có nắp che loại đôi 2 gang data outlet with shutter	100	128.000
	S6632RJ/RJ5E 1 ổ cắm điện thoại 4 dây và 1 ổ cắm máy tính 8 dây có nắp che loại đôi 2 gang telephone outlet and data outlet with shutter	100	128.000

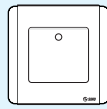
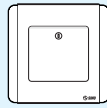
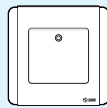
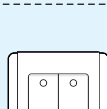
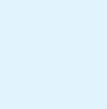
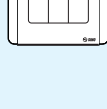
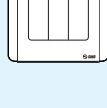
Sản phẩm thuộc tiêu chuẩn / Standard:

BS 5733:1995; TCVN 6188-1:2007; IEC 60884-1:2002; BS 6312-2-2:1997; IEC 60603-7-1:2009; ISO/IEC 11801:2002

MẶT VÀ Ổ CẮM SÊ-RI S66 EURO
S66 EURO SERIES GRID PLATE & SOCKET

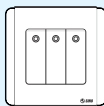
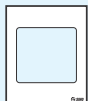
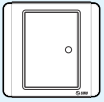
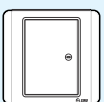
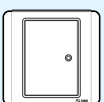
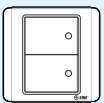
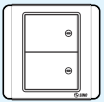
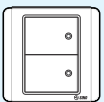
Hình ảnh Picture	Mã số/Diễn giải Cat.No/Description	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	S66/501 60 Công tắc dùng thẻ từ phím lớn 16A có thời gian chậm 16A saving switch with time delay		515.000
	S66/16 80 Ổ cắm "SCHUKO" tiếp đất 16A 16A pin & earth "Schuko" socket		81.600
	S66U/10US 100 Ổ cắm 2 chấu và 1 ổ 3 chấu kiểu Úc 16A 16A 2 pin & 3 pin Australia type socket		108.000
	S66/10USS 100 Ổ cắm 2 chấu và 1 ổ 3 chấu kiểu Úc 16A có công tắc 16A 2 pin & 3 pin Australia type socket w/ switch		119.000
	S6613N 100 Ổ cắm 3 chấu vuông kiểu Anh 13A có đèn báo 13A 3 flat pin British flush socket w/ neon		127.000
	S6613S 100 Ổ cắm 3 chấu vuông kiểu Anh 13A có công tắc 13A 3 flat pin British flush socket with switch		138.000
	S6615N 100 Công tắc 3 chấu tròn kiểu Anh 15A có đèn báo 15A 3 round pin British flush socket with neon		120.000
	S6615SN 100 Công tắc 3 chấu tròn kiểu Anh 15A có công tắc và đèn báo 15A 3 round pin British flush socket with switch and neon		131.000
	S66KT+SKTA 80 Bộ chìa khóa ngắt điện 20A có đèn báo - chìa khóa kiểu A 20A key tag switch with neon - Type A		273.000
	S66KT+SKTB 80 Bộ chìa khóa ngắt điện 20A có đèn báo - chìa khóa kiểu B 20A key tag switch with neon - Type B		273.000

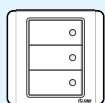
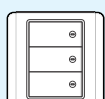
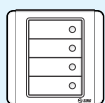
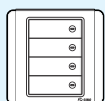
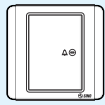
CÔNG TẮC PHÍM LỚN SÊ-RI S66SD - S66D MEGA
S66SD - S66D MEGA SERIES SWITCHES

Hình ảnh Picture	Mã số/Diễn giải Cat.No/Description	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	S66SD1A 100 Công tắc đơn 1 chiều phím lớn 10A 10A 1 gang 1 way switch		28.800
	S66SD1 100 Công tắc đơn 1 chiều phím lớn có dạ quang 10A 10A 1 gang 1 way switch with fluorescent		49.200
	S66SDN1 100 Công tắc đơn 1 chiều phím lớn có đèn led trắng 10A 10A 1 gang 1 way switch with led		59.000
	S66SDM1A 100 Công tắc đơn 2 chiều phím lớn 10A 10A 1 gang 2 way switch		32.000
	S66SDM1 100 Công tắc đơn 2 chiều phím lớn có dạ quang 10A 10A 1 gang 2 way switch with fluorescent		55.000
	S66SDMN1 100 Công tắc đơn 2 chiều phím lớn có đèn led trắng 10A 10A 1 gang 2 way switch with led		66.000
	S66SD2A 100 Công tắc đôi 1 chiều phím lớn 10A 10A 2 gang 1 way switch		43.800
	S66SD2 100 Công tắc đôi 1 chiều phím lớn có dạ quang 10A 10A 2 gang 1 way switch with fluorescent		75.000
	S66SDN2 100 Công tắc đôi 1 chiều phím lớn có đèn led trắng 10A 10A 2 gang 1 way switch with led		90.500
	S66SDM2A 100 Công tắc đôi 2 chiều phím lớn 10A 10A 2 gang 2 way switch		45.500
	S66SDM2 100 Công tắc đôi 2 chiều phím lớn có dạ quang 10A 10A 2 gang 2 way switch with fluorescent		78.200
	S66SDMN2 100 Công tắc đôi 2 chiều phím lớn có đèn led trắng 10A 10A 2 gang 2 way switch with led		93.600
	S66SD3A 100 Công tắc ba 1 chiều phím lớn 10A 10A 3 gang 1 way switch		53.200
	S66SD3 100 Công tắc ba 1 chiều phím lớn có dạ quang 10A 10A 3 gang 1 way switch with fluorescent		91.200
	S66SDN3 100 Công tắc ba 1 chiều phím lớn có đèn led trắng 10A 10A 3 gang 1 way switch with led		109.000
	S66SDM3A 100 Công tắc ba 2 chiều phím lớn 10A 10A 3 gang 2 way switch		56.800

Sê-ri S66 - S66SD

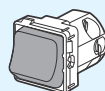
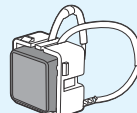
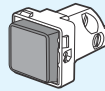
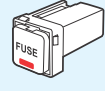
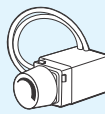
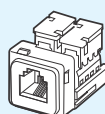
MẶT VÀ Ổ CẮM SÊ-RI S66SD - S66D
S66SD - S66D SERIES GRID PLATE & SOCKET
Sê-ri S66D

Hình ảnh Picture	Mã số/Diễn giải Cat.No/Description	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	S66SDM3 Công tắc ba 2 chiều phím lớn có dạ quang 10A 10A 3 gang 2 way switch with fluorescent	100	97.600
	S66SDMN3 Công tắc ba 2 chiều phím lớn có đèn led trắng 10A 10A 3 gang 2 way switch with led	100	118.000
	S66SDXL Viên đơn sơn ánh bạc Electric single	100	10.000
	S66D1A Công tắc đơn 1 chiều phím lớn 10A 10A 1 gang 1 way switch	100	25.000
	S66D1 Công tắc đơn 1 chiều phím lớn có dạ quang 10A 10A 1 gang 1 way switch with fluorescent	100	48.000
	S66DN1 Công tắc đơn 1 chiều phím lớn có đèn led trắng 10A 10A 1 gang 1 way switch with led	100	59.000
	S66DM1A Công tắc đơn 2 chiều phím lớn 10A 10A 1 gang 2 way switch	100	28.600
	S66DM1 Công tắc đơn 2 chiều phím lớn có dạ quang 10A 10A 1 gang 2 way switch with fluorescent	100	55.000
	D66DMN1 Công tắc đơn 2 chiều phím lớn có đèn led trắng 10A 10A 1 gang 2 way switch with led	100	67.000
	S66D2A Công tắc đôi 1 chiều phím lớn 10A 10A 2 gang 1 way switch	100	36.000
	S66D2 Công tắc đôi 1 chiều phím lớn có dạ quang 10A 10A 2 gang 1 way switch with fluorescent	100	70.500
	S66DN2 Công tắc đôi 1 chiều phím lớn có đèn led trắng 10A 10A 2 gang 1 way switch with led	100	87.500
	S66DM2A Công tắc đôi 2 chiều phím lớn 10A 10A 2 gang 2 way switch	100	38.000
	S66DM2 Công tắc đôi 2 chiều phím lớn có dạ quang 10A 10A 2 gang 2 way switch with fluorescent	100	74.000
	S66DMN2 Công tắc đôi 2 chiều phím lớn có đèn led trắng 10A 10A 2 gang 2 way switch with led	100	90.900

Hình ảnh Picture	Mã số/Diễn giải Cat.No/Description	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	S66D3A Công tắc ba 1 chiều phím lớn 10A 10A 3 gang 1 way switch	100	47.000
	S66D3 Công tắc ba 1 chiều phím lớn có dạ quang 10A 10A 3 gang 1 way switch with fluorescent	100	89.000
	S66DN3 Công tắc ba 1 chiều phím lớn có đèn led trắng 10A 10A 3 gang 1 way switch with led	100	108.500
	S66DM3A Công tắc ba 2 chiều phím lớn 10A 10A 3 gang 2 way switch	100	51.000
	S66DM3 Công tắc ba 2 chiều phím lớn có dạ quang 10A 10A 3 gang 2 way switch with fluorescent	100	96.000
	S66DMN3 Công tắc ba 2 chiều phím lớn có đèn led trắng 10A 10A 3 gang 2 way switch with led	100	118.000
	S66D4A Công tắc bốn 1 chiều phím lớn 10A 10A 4 gang 1 way switch	100	58.000
	S66D4 Công tắc bốn 1 chiều phím lớn có dạ quang 10A 10A 4 gang 1 way switch with fluorescent	100	116.000
	S66DN4 Công tắc bốn 1 chiều phím lớn có đèn led trắng 10A 10A 4 gang 1 way switch with led	100	145.000
	S66DM4A Công tắc bốn 2 chiều phím lớn 10A 10A 4 gang 2 way switch	100	61.600
	S66DM4 Công tắc bốn 2 chiều phím lớn có dạ quang 10A 10A 4 gang 2 way switch with fluorescent	100	122.600
	S66DMN4 Công tắc bốn 2 chiều phím lớn có đèn led trắng 10A 10A 4 gang 2 way switch with led	100	151.300
	S66DBP Nút chuông phím lớn có dạ quang 10A 10A big panel bell push with fluorescent	100	60.500

PHỤ KIỆN DÙNG CHUNG CHO SẪ-RI S18A - ZENLOCK-S - S19 - S186 - S68 - S66
 ACCESSORIES FOR S18A - ZENLOCK-S - S19 - S186 - S68 - S66 SERIES

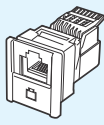
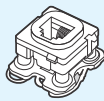
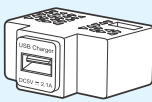
Hình ảnh Picture	Mã số/Diễn giải Cat.No/Description	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	A96/1/2M Công tắc 1 chiều 10A 10A 1 way switch	1200	10.800
	A96/1/2MDB Công tắc 1 chiều màu xanh dương 10A 10A 1 way switch - Blue panel	1200	15.000
	A96/1/2MGR Công tắc 1 chiều màu xanh lá cây 10A 10A 1 way switch - Green panel	1200	15.000
	A96/1/2MRD Công tắc 1 chiều màu đỏ rực 10A 10A 1 way switch - Red panel	1200	15.000
	A96/1/2MYL Công tắc 1 chiều màu vàng nhạt 10A 10A 1 way switch - Yellow panel	1200	15.000
	A96/1/2MGY Công tắc 1 chiều màu xám băng 10A 10A 1 way switch - Grey panel	1200	15.000
	A96/1/2MBK Công tắc 1 chiều màu đen 10A 10A 1 way switch - Black panel	1200	15.000
	A96/1/2MR Công tắc 1 chiều có miếng báo đỏ 10A 10A 1 way switch with red signal	1200	13.200
	A96M Công tắc 2 chiều 10A 10A 2 way switch	1000	19.200
	A96MR Công tắc 2 chiều có miếng báo đỏ 10A 10A 2 way switch with red signal	1000	21.200
	A96MI Công tắc trung gian đa chiều 10A 10A Intermediate switch	500	122.600
	A96MD20 Công tắc 2 cực 20A 20A double pole switch	500	69.200
	A96MBP2 Nút nhấn chuông 3A 3A bell push switch	1500	28.000
	A96TV Ổ cắm Anten Tivi Television terminal	1000	40.800

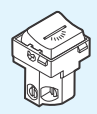
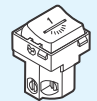
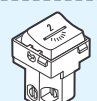
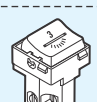
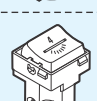
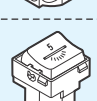
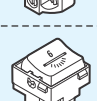
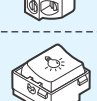
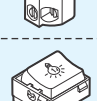
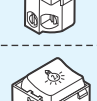
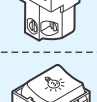
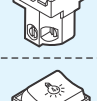
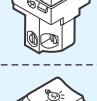
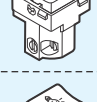
Hình ảnh Picture	Mã số/Diễn giải Cat.No/Description	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	A96MDB Công tắc 2 chiều màu xanh dương 10A 10A 2 way switch - Blue panel	1000	25.200
	A96MGR Công tắc 2 chiều màu xanh lá cây 10A 10A 2 way switch - Green panel	1000	25.200
	A96MRD Công tắc 2 chiều màu đỏ rực 10A 10A 2 way switch - Red panel	1000	25.200
	A96MYL Công tắc 2 chiều màu vàng nhạt 10A 10A 2 way switch - Yellow panel	1000	25.200
	A96MGY Công tắc 2 chiều màu xám băng 10A 10A 2 way switch - Grey panel	1000	25.200
	A96MBK Công tắc 2 chiều màu đen 10A 10A 2 way switch - Black panel	1000	25.200
	A96NRD/W Đèn báo đỏ - có dây đấu sẵn Neon indicator (red) with wiring	1000	17.800
	A96NGN/W Đèn báo xanh- có dây đấu sẵn Neon indicator (green) with wiring	1000	17.800
	A96NRD Đèn báo đỏ Neon indicator (red)	1200	19.200
	A96NGN Đèn báo xanh Neon indicator (green)	1200	19.200
	A96BTD Hạt cầu chì ống 10A có đèn báo 10A fused connection units with neon	500	44.200
	A96/400VX Hạt chiết áp quạt 400VA 400VA fan control mechanism	300	116.500
	A96/500VX Hạt chiết áp đèn 500VA 500VA dimmer mechanism	300	116.500
	A96/1000VX Hạt chiết áp đèn 1000VA 1000VA dimmer mechanism	300	140.000
	A96RJ40 Ổ cắm điện thoại 4 dây 4 wire telephone socket	500	51.800
	A96RJ88 Ổ cắm máy tính 8 dây 8 wire computer socket	500	72.800
	A96RJ886 Ổ cắm máy tính 8 dây CAT6 CAT6 8 wire computer socket	500	83.800

PK S18A - ZENLOCK-S - S19 - S186 - S68 - S66

PHỤ KIỆN DÙNG CHUNG CHO SẪ-RI S18A - ZENLOCK-S - S19 - S186 - S68 - S66
 ACCESSORIES FOR S18A - ZENLOCK-S - S19 - S186 - S68 - S66 SERIES

PK S18A - ZENLOCK-S - S19 - S186 - S68 - S66

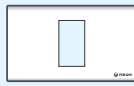
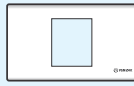
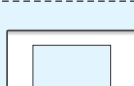
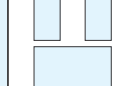
Hình ảnh Picture	Mã số/Diễn giải Cat.No/Description	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	A96RJ40/M Ổ cắm điện thoại 4 dây có màn che 4 wire telephone socket with shutter	500	66.200
	A96RJ88/M Ổ cắm máy tính 8 dây có màn che 8 wire computer socket with shutter	500	80.000
	A96RJ40/W Ổ cắm điện thoại 4 dây có dây đấu sẵn 4 wire telephone socket - C/w wiring	500	48.000
	A96X Nút che trơn Moulded removable plug	4000	4.020
	A96USB Ổ USB loại đơn 5V 2.1A 5V 2.1A USB socket	-	160.000

Hình ảnh Picture	Mã số/Diễn giải Cat.No/Description	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	A96/1/2M/T Công tắc 1 chiều 10A hình ảnh đèn tuýp 10A 1 way switch with tube light icon	1200	12.600
	A96/1/2M/T1 Công tắc 1 chiều 10A hình ảnh đèn tuýp số 1 10A 1 way switch with tube light icon 1	1200	12.600
	A96/1/2M/T2 Công tắc 1 chiều 10A hình ảnh đèn tuýp số 2 10A 1 way switch with tube light icon 2	1200	12.600
	A96/1/2M/T3 Công tắc 1 chiều 10A hình ảnh đèn tuýp số 3 10A 1 way switch with tube light icon 3	1200	12.600
	A96/1/2M/T4 Công tắc 1 chiều 10A hình ảnh đèn tuýp số 4 10A 1 way switch with tube light icon 4	1200	12.600
	A96/1/2M/T5 Công tắc 1 chiều 10A hình ảnh đèn tuýp số 5 10A 1 way switch with tube light icon 5	1200	12.600
	A96/1/2M/T6 Công tắc 1 chiều 10A hình ảnh đèn tuýp số 6 10A 1 way switch with tube light icon 6	1200	12.600
	A96/1/2M/DT Công tắc 1 chiều 10A hình ảnh đèn tròn 10A 1 way switch with bulb light icon	1200	12.600
	A96/1/2M/DT1 Công tắc 1 chiều 10A hình ảnh đèn tròn số 1 10A 1 way switch with bulb light icon 1	1200	12.600
	A96/1/2M/DT2 Công tắc 1 chiều 10A hình ảnh đèn tròn số 2 10A 1 way switch with bulb light icon 2	1200	12.600
	A96/1/2M/DT3 Công tắc 1 chiều 10A hình ảnh đèn tròn số 3 10A 1 way switch with bulb light icon 3	1200	12.600
	A96/1/2M/DT4 Công tắc 1 chiều 10A hình ảnh đèn tròn số 4 10A 1 way switch with bulb light icon 4	1200	12.600
	A96/1/2M/DT5 Công tắc 1 chiều 10A hình ảnh đèn tròn số 5 10A 1 way switch with bulb light icon 5	1200	12.600
	A96/1/2M/DT6 Công tắc 1 chiều 10A hình ảnh đèn tròn số 6 10A 1 way switch with bulb light icon 6	1200	12.600

PHỤ KIỆN DÙNG CHUNG CHO SẪ-RI S18A - ZENLOCK-S - S19 - S186 - S68 - S66
ACCESSORIES FOR S18A - ZENLOCK-S - S19 - S186 - S68 - S66 SERIES

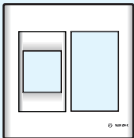
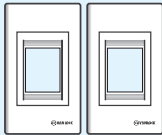
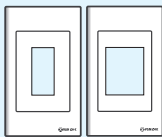
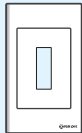
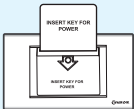
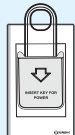
Hình ảnh Picture	Mã số/Diễn giải Cat.No/Description	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	A96/1/2M/OT Công tắc 1 chiều 10A hình ảnh đèn ốp trần 10A 1 way switch with ceiling light icon	1200	12.600
	A96/1/2M/OT1 Công tắc 1 chiều 10A hình ảnh đèn ốp trần số 1 10A 1 way switch with ceiling light icon 1	1200	12.600
	A96/1/2M/OT2 Công tắc 1 chiều 10A hình ảnh đèn ốp trần số 2 10A 1 way switch with ceiling light icon 2	1200	12.600
	A96/1/2M/OT3 Công tắc 1 chiều 10A hình ảnh đèn ốp trần số 3 10A 1 way switch with ceiling light icon 3	1200	12.600
	A96/1/2M/OT4 Công tắc 1 chiều 10A hình ảnh đèn ốp trần số 4 10A 1 way switch with ceiling light icon 4	1200	12.600
	A96/1/2M/OT5 Công tắc 1 chiều 10A hình ảnh đèn ốp trần số 5 10A 1 way switch with ceiling light icon 5	1200	12.600
	A96/1/2M/OT6 Công tắc 1 chiều 10A hình ảnh đèn ốp trần số 6 10A 1 way switch with ceiling light icon 6	1200	12.600
	A96/1/2M/DC Công tắc 1 chiều 10A hình ảnh đèn chùm 10A 1 way switch with chandeliers icon	1200	12.600
	A96/1/2M/QT Công tắc 1 chiều 10A hình ảnh quạt trần 10A 1 way switch with ceiling fans icon	1200	12.600
	A96/1/2M/QTG Công tắc 1 chiều 10A hình ảnh quạt thông gió 10A 1 way switch with ventilators icon	1200	12.600

Ổ CẮM CÔNG TẮC SẪ-RI S18C
S18C SERIES SWITCHES & SOCKETS

Hình ảnh Picture	Mã số/Diễn giải Cat.No/Description	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	S18CO (S18COV) Mặt che trơn Blank flush plate	200	13.500
	S18C1X (S18C1XV) Mặt 1 mô-đun 1 gang flush plate	200	13.500
	S18C1X/M (S18C1X/MV) Mặt 1 mô-đun cỡ trung Mid-sized 1 gang flush plate	200	13.500
	S18CXX (S18CXXV) Mặt 2 mô-đun dạng liền (hoặc 1 ổ đa năng hoặc 1 ổ 3 chấu) 2 gang flush plate (or 3 pin universal socket or 3 pin socket)	200	13.500
	S18C2X (S18C2XV) Mặt 2 mô-đun 2 gang flush plate	200	13.500
	S18C3X (S18C3XV) Mặt 3 mô-đun (hoặc 2 mô-đun cỡ trung hoặc 1 mô-đun cỡ lớn) Plate for 3 module (or 2 mid-sized module or 1 elongated-sized module)	200	13.500
	S18C4X (S18C4XV) Mặt 4 mô-đun 4 gang flush plate	120	26.800
	S18C5X (S18C5XV) Mặt 5 mô-đun 5 gang flush plate	120	26.800
	S18C6X (S18C6XV) Mặt 6 mô-đun 6 gang flush plate	120	26.800
	S18C2X/A Mặt nhựa chứa 1 MCCB kiểu A và 2 mô-đun 3 gang plate for MCCB - Type A & 2 module	100	26.800
	S18C2X/B Mặt nhựa chứa 1 MCCB kiểu B và 2 mô-đun 3 gang plate for MCCB - Type B & 2 module	100	26.800
	S18C3X/A Mặt nhựa chứa 1 MCCB kiểu A và 3 mô-đun 2 gang plate for MCCB - Type A & 3 module	100	26.800

PK S18A - ZENLOCK-S - S19 - S186 - S68 - S66 & Sê-ri S18C

Ổ CẮM CÔNG TẮC SÊ-RI S18C
S18C SERIES SWITCHES & SOCKETS
Sê-ri S18C - S18CS

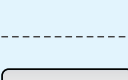
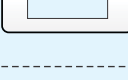
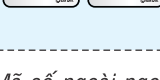
Hình ảnh Picture	Mã số/Diễn giải Cat.No/Description	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	S18C3X/B Mặt nhựa chứa 1 MCCB kiểu B và 3 mô-đun 2 gang plate for MCCB - Type B & 3 module	100	26.800
	S18C121/HA Mặt nhựa chứa 1 MCCB kiểu A 1 gang plate for MCCB - Single type A	200	13.500
	S18C121/HB Mặt nhựa chứa 1 MCCB kiểu B 1 gang plate for MCCB - Single type B	200	13.500
	S18C121/M Mặt nhựa chứa 1 MCB kiểu M 1 gang plate for MCB - Single type M	300	13.500
	S18C122/M Mặt nhựa chứa 2 MCB kiểu M 1 gang plate for MCB - Double type M	300	13.500
	S18C121/AB Mặt nhựa chứa 1 MCCB kiểu A VÀ B 1 gang plate for MCCB - Single type A & B	200	13.500
	S18C/501 Công tắc dùng thẻ từ 16A có thời gian chậm 16A saving switch with time delay	60	412.000
	S18CKT+SKTA Bộ chìa khóa ngắt điện 20A có đèn báo - chìa khóa kiểu A 20A key tag switch with neon - Type A	80	341.000
	S18CKT+SKTB Bộ chìa khóa ngắt điện 20A có đèn báo - chìa khóa kiểu B 20A key tag switch with neon - Type B	80	341.000

Mã số ngoài ngoặc đơn() được hiểu là mã số của mặt và ổ cắm loại nằm ngang. Mã số trong ngoặc đơn () có thêm chữ V ở cuối là mã số của mặt ổ cắm loại lắp dọc - Có thể đặt hàng

Ổ CẮM CÔNG TẮC SÊ-RI S18CS
S18CS SERIES SWITCHES & SOCKETS

Hình ảnh Picture	Mã số/Diễn giải Cat.No/Description	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	S18CS0 (S18CS0V) Mặt che trơn Blank Flush Plate	200	13.500
	S18CS1X/S (S18CS1X/SV) Mặt 1 mô đun 1 gang flush plate	200	13.500
	S18CS1X/M (S18CS1X/MV) Mặt 1 mô đun cỡ trung Mid-sized 1 gang flush plate	200	13.500
	S18CSXX (S18CSXXV) Mặt 2 mô-đun dạng liền (hoặc 1 ổ đa năng hoặc 1 ổ 3 chấu) 2 gang flush plate (or for 3 pin universal socket or for 3 pin socket)	200	13.500
	S18CS2X (S18CS2XV) Mặt 2 mô đun 2 gang flush plate	200	13.500
	S18CS3X (S18CS3XV) Mặt 3 mô-đun (hoặc 2 mô-đun cỡ trung hoặc 1 mô-đun cỡ lớn) Plate for 3 module (or for 2 mid-sized module or for 1 elongated-sized module)	200	13.500
	S18CS4X (S18CS4XV) Mặt 4 mô đun 4 gang flush plate	120	26.800
	S18CS5X (S18CS5XV) Mặt 5 mô đun 5 gang flush plate	120	26.800
	S18CS6X (S18CS6XV) Mặt 6 mô-đun 6 gang flush plate	120	26.800
	S18CS2X/A Mặt nhựa chứa 1 MCCB kiểu A và 2 mô-đun 3 gang plate for 1 MCCB type A & 2 module	100	26.800
	S18CS2X/B Mặt nhựa chứa 1 MCCB kiểu B và 2 mô-đun 3 gang plate for MCCB type B & 2 module	100	26.800
	S18CS3X/A Mặt nhựa chứa 1 MCCB kiểu A và 3 mô-đun 2 gang plate for MCCB type A & 3 module	100	26.800
	S18CS3X/B Mặt nhựa chứa 1 MCCB kiểu B và 3 mô-đun 2 gang plate for 1 MCCB type B & 3 module	100	26.800

Ổ CẮM CÔNG TẮC SÊ-RI SC
SC SERIES SWITCHES & SOCKETS

Hình ảnh Picture	Mã số/Diễn giải Cat.No/Description	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	SC1X (SC1X/V) Mặt 1 mô đun 1 gang flush plate	200	13.500
	SC1X/M (SC1X/MV) Mặt 1 mô đun cỡ trung Mid-sized 1 gang flush plate	200	13.500
	SC2X (SC2XV) Mặt 2 mô đun 2 gang flush plate	200	13.500
	SCXX (SCXXV) Mặt 2 mô-đun dạng liền (hoặc 1 ổ đa năng hoặc 1 ổ 3 chấu) 2 gang flush plate (or for 3 pin universal socket or for 3 pin socket)	200	13.500
	SC3X (SC3XV) Mặt 3 mô-đun (hoặc 2 mô-đun cỡ trung hoặc 1 mô-đun cỡ lớn) Plate for 3 module (or for 2 mid-sized module or for 1 elongated-sized module)	200	13.500
	SC4X (SC4XV) Mặt 4 mô đun 4 gang flush plate	120	26.800
	SC5X (SC5XV) Mặt 5 mô đun 5 gang flush plate	120	26.800
	SC6X (SC6XV) Mặt 6 mô đun 6 gang flush plate	120	26.800
	SCO (SCOV) Mặt che trơn Blank plate	200	13.500
	SC121/M Mặt nhựa chứa 1 MCB kiểu M 1 gang plate for MCB - Single type M	200	13.500
	SC122/M Mặt nhựa chứa 2 MCB kiểu M 1 gang plate for MCB - Double type M	200	13.500
	SC121/HA Mặt nhựa chứa 1 MCCB kiểu A 1 gang plate for MCCB - Single type A	160	13.500
	SC121/HB Mặt nhựa chứa 1 MCCB kiểu B 1 gang plate for MCCB - Single type B	160	13.500

Mã số ngoài ngoặc đơn() được hiểu là mã số của mặt và ổ cắm loại nằm ngang. Mã số trong ngoặc đơn () có thêm chữ V ở cuối là mã số của mặt ổ cắm loại lắp dọc - Có thể đặt hàng

Hình ảnh Picture	Mã số/Diễn giải Cat.No/Description	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	SC2X/A Mặt nhựa chứa 1 MCCB kiểu A và 2 mô đun 3 gang plate for 1 MCCB - Type A & 2 module	100	26.800
	SC2X/B Mặt nhựa chứa 1 MCCB kiểu B và 2 mô đun 3 gang plate for 1 MCCB - Type B & 2 module	100	26.800
	SC3X/A Mặt nhựa chứa 1 MCCB kiểu A và 3 mô đun 2 gang plate for 1 MCCB - Type A & 3 module	100	26.800
	SC3X/B Mặt nhựa chứa 1 MCCB kiểu B và 3 mô đun 2 gang plate for 1 MCCB - Type B & 3 module	100	26.800

Sê-ri SC